

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2026/HS-ST
Ngày 11 - 02 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cầm Xuân Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cầm Văn Chinh;

Bà Bùi Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/2025/TLST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2026/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Trần Xuân H, sinh ngày 10/9/1969 tại xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Nơi cư trú: Tổ A Q, phường T, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp khi phạm tội: Trưởng phòng B Sở L; trình độ học vấn: Đại học; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng viên Chi bộ tổ A Q, Đảng bộ phường T, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 11-QĐ/UBKTĐU ngày 14/11/2025 của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy phường T, tỉnh Sơn La; con ông Trần Văn Đ, sinh năm 1934 (*đã chết*) và bà Trần Thị D, sinh năm 1932; có vợ là Nguyễn Thị Thúy L2, sinh năm 1970 và 02 con (*con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2004*); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 11/11/2025 đến ngày 28/11/2025 được tại ngoại. Có mặt.

2. Bùi Nam G, sinh ngày 02/9/1990 tại xã T1, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Bản H, phường C, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp khi phạm tội: Chuyên viên phòng L1 Sở L; trình độ học vấn: Thạc sĩ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng viên Chi bộ G1 thuộc Đảng bộ Sở G, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 09-QĐ/UBKTĐU ngày 27/12/2025 của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy U; con ông Bùi Đình T, sinh năm 1955 (*đã chết*) và bà Trương Thị T1, sinh năm 1961; có chồng là Phạm Văn H1, sinh năm 1984 và 02 con (*con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2017*); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Có mặt.

3. Phan Thị Thu H2, sinh ngày 16/8/1988 tại xã T, tỉnh Phú Thọ. Nơi cư trú: Tổ A Q, phường T, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp khi phạm tội: Chuyên viên phòng B Sở L; trình độ học vấn: Đại học; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng viên Chi bộ V thuộc Đảng bộ Sở Y, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 07-QĐ/UBKTĐU ngày 27/12/2025 của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy U; con ông Phan Văn T2, sinh năm 1957 (*đã chết*) và bà Trần Thị T3, sinh năm 1961; có chồng là Lê Hải S, sinh năm 1986 và 02 con (*con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2020*); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Có mặt.

4. Lê Thị Hương T4, sinh ngày 05/9/1986 tại xã M2, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Tổ F C, phường T, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp khi phạm tội: Chuyên viên phòng B Sở L; trình độ học vấn: Đại học; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng viên Chi bộ V1 thuộc Đảng bộ Sở G, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 08-QĐ/UBKTĐU ngày 27/12/2025 của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy U; con ông Lê Văn T5, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị L3, sinh năm 1964; có chồng là Bùi Trung Q, sinh năm 1983 và 02 con (*con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016*); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Sở N tỉnh Sơn La (*kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Sở L tỉnh Sơn La theo Đề án số 291/ĐA-UBND ngày 15/02/2025 của U tỉnh Sơn La về việc hợp nhất Sở N và Sở L từ ngày 01/3/2025*). Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt số 442/SN-VP ngày 10/02/2026.

2. Bà Hồ Thị Kim P, sinh năm 1974. Địa chỉ: Trung tâm Q1, số B, đường T, tổ D, phường T, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Bà Lê Thị T6, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Số nhà E, đường L, tổ C C, phường T, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Bà Trần Thị H3, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Tổ A C, phường T, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Bà Hoàng Thị L2, sinh năm 1966. Nơi cư trú: Số C, đường C, tổ A C, phường T, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Bà Hoa Ngọc L3, sinh năm 1978. Địa chỉ: Công ty TNHH H14, số D, đường T, tổ D Q, phường T, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

7. Ông Nguyễn Quang C, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Số D, đường T, tổ D Q, phường T, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

8. Bà Nguyễn Thị T7, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Số nhà F, tổ D, phường T, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

9. Bà Đào Thị T8, sinh năm 1983. Địa chỉ: Công ty TNHH M1, tiểu khu A, xã Q, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

10. Bà Đào Thị V, sinh năm 1961. Nơi cư trú: Tiểu khu E, xã M1, tỉnh

Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

11. Bà Trương Thị T9, sinh năm 1960. Địa chỉ: Nhà N, tiểu khu B, xã M2, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

12. Ông Trần Tuấn A, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Tổ dân phố K, phường T1, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

13. Bà Trần Thùy D1, sinh năm 1968. Địa chỉ: Nhà N, tổ G, xã S, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

14. Bà Hoàng Thị H4, sinh năm 1966. Địa chỉ: Hộ kinh doanh Cẩm Duy V1, bản H, xã S1, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

15. Bà Từ Hải Y, sinh năm 1987. Địa chỉ: Công ty cổ phần T19, số nhà A, đường T, tổ I Q, phường T, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

16. Bà Phạm Thị T10, sinh năm 1966. Nơi cư trú: Số B, đường N, tổ I Q, phường T, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

17. Bà Lê Thị T11, sinh năm 1966. Địa chỉ: Công ty cổ phần Đ2, tiểu khu A, xã B, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

18. Ông Đỗ Đăng Sơn N1, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Tổ B C, phường T, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

19. Bà Hà Thị Khánh H5, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Tổ B Q, phường T, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

20. Ông Nguyễn Đắc T12, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Tổ D, phường T, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

21. Ông Phan Đức A1, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Tổ A C, phường T, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

22. Ông Hoàng Dương A2, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Tổ C C, phường T, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

23. Ông Nguyễn Văn T13, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Số nhà G, tổ A C, phường T, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Tuấn A3, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Số nhà F, đường L, tổ C C, phường T, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Lò Mai L4, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Tổ A C, phường T, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Bà Ma Thu O, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Tổ I Q, phường T, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Bà Trần Thị Vân A4, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Số nhà G, đường B, tổ A C, phường T, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị H6, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Tổ C Q, phường T, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Ông Phạm Hồng H7, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Tổ A C, phường T, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

7. Bà Nguyễn Thị Thương T14, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Tiểu khu A, xã M2, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

8. Bà Lê Thị Phương T15, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Tổ D Q, phường T, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

9. Bà Đỗ Thị H8, sinh năm 1978. Địa chỉ: Khách sạn H15, số C, đường C, tổ H Q, phường T, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2022 đến năm 2023, Sở L tỉnh Sơn La triển khai 06 chương trình, gồm: (1) Phòng chống xâm hại trẻ em năm 2023; (2) Phòng ngừa giảm thiểu lao động trẻ em năm 2023; (3) Bảo trợ xã hội phục hồi chức năng cho người tâm thần và rối nhiễu tâm trí năm 2023; (4) Thắt chặt hành động vệ sinh an toàn lao động năm 2022; (5) Thắt chặt hành động vệ sinh an toàn lao động năm 2023; (6) Bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp năm 2023.

Quá trình thực hiện và thanh, quyết toán kinh phí 06 chương trình trên, vì mục đích vụ lợi, Trần Xuân H - Trưởng phòng đã chỉ đạo Phan Thị Thu H2, Lê Thị Hương T4 - Cán bộ Phòng B Sở L tỉnh Sơn La làm trái công vụ; đối với Bùi Nam G là cán bộ Phòng L1 Sở L tỉnh Sơn La vì mục đích vụ lợi, để hoàn thành nhiệm vụ được giao đã làm trái công vụ, thực hiện các khoản chi không đúng thực tế; nâng khống giá trị hàng hóa, dịch vụ, hoàn thiện hồ sơ quyết toán; mua hóa đơn giá trị gia tăng của một số công ty, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Sơn La, lập khống 06 hồ sơ quyết toán, hành vi của các bị cáo gây thiệt hại ngân sách nhà nước 158.566.480 đồng.

Hành vi các bị cáo đã thực hiện cụ thể như sau:

I. Chương trình phòng chống xâm hại trẻ em năm 2023 gây thiệt hại ngân sách nhà nước tổng số tiền 60.094.316 đồng

1. Nội dung tham dự diễn đàn trẻ em quốc gia (gây thiệt hại ngân sách nhà nước 764.000 đồng)

Ngày 02/8/2023, Cục T có Công văn số 515 về việc tổ chức Diễn đàn trẻ em quốc gia lần thứ 7/2023 tại huyện M1, trong đó có nội dung Cục T không hỗ trợ chi phí ăn, nghỉ đối với người phụ trách trẻ em. Sau khi nhận công văn, H giao H2 xử lý hóa đơn không để lấy nguồn hỗ trợ chi phí ăn nghỉ cho người phụ trách trẻ em và hỗ trợ tiền ăn, uống cho 04 em học sinh tham gia. H2 liên lạc với bà Hồ Thị Kim P là chủ Trung tâm quảng cáo in nội thất Q1 (địa chỉ: Số B, đường T, tổ D, phường T, thành phố S, tỉnh Sơn La) đề nghị xuất 01 hóa đơn nội dung in 02 băng rôn tuyên truyền với giá 800.000 đồng. P trả lời chi phí xuất hóa đơn hết 120.000 đồng, H2 đồng ý. P đã xuất Hóa đơn bán hàng số 270 đề

ngày 05/8/2023 (tên người bán Hồ Thị Kim P Trung tâm quảng cáo in nội thất Q1) giá trị 800.000 đồng rồi chuyển cho H2. H2 hoàn thiện hồ sơ thanh toán trình H, sau đó trình lãnh đạo Sở L duyệt.

Sau khi Sở L thanh toán cho P 800.000 đồng, trừ phí xuất hóa đơn còn 680.000 đồng, H2 bảo P trừ vào tiền còn nợ trước đây (*H2 đặt P in một phong lớn phục vụ Tết thiếu nhi giá khoảng 680.000 đồng nhưng chưa thanh toán*). Thực tế không có việc in băng rôn khẩu hiệu tham dự diễn đàn trẻ em quốc gia, đã gây thiệt hại ngân sách nhà nước 764.000 đồng, gồm: 680.000 đồng thanh toán cho Hồ Thị Kim P; 84.000 đồng chênh lệch tiền mua hóa đơn với giá trị thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước.

2. Nội dung tập huấn xâm hại trẻ em tại huyện Y (gây thiệt hại ngân sách nhà nước 2.288.400 đồng)

Căn cứ Kế hoạch về thực hiện công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em năm 2023 tại huyện Y được dự toán kinh phí 68.182.000 đồng. Để có tiền dôi dư, ngày 13/9/2023, H chỉ đạo H2 sẽ xử lý hóa đơn tại hạng mục nước uống (*theo dự toán chi nước uống là 3.800.000 đồng*). Thực tế có 01 xã (T) không tham gia theo danh sách đăng ký, do đó hạng mục nước uống sẽ chỉ 3.440.000 đồng. H chỉ đạo H2 tham mưu xây dựng phiếu đề xuất các nội dung tập huấn tại huyện Y để H ký và trình Giám đốc Sở thực hiện (*nêu rõ các mục chi gồm hội trường, khánh tiết, nước uống, hỗ trợ tiền ăn, ngủ và đi lại cho đại biểu, giảng viên, in tài liệu, văn phòng phẩm*).

Ngày 16/9/2023, H2 nhờ Lê Thị Hương T4 đến cửa hàng Lê Thị T6 (*địa chỉ: Số nhà E, đường L, tổ C, phường C1, thành phố S, tỉnh Sơn La*) lấy nước với giá 1.100.000 đồng. Sau đó, H2, T4 cùng Trần Xuân H, Ma Thu O đến Y để chuẩn bị các điều kiện tập huấn. Ngày 17/9/2023, trong và sau khi chương trình diễn ra, H2 ứng tiền cá nhân để mua kem cho học sinh với giá 740.000 đồng, chi tiền cơm mời Phòng L huyện Y và một số thầy cô giáo (*theo chỉ đạo của H*) hết 976.000 đồng. Sau đó, H2 nhờ T4 liên hệ với Lê Thị T6 xuất Hóa đơn bán hàng số 344 đề ngày 16/9/2023 (*đơn vị bán hàng Lê Thị T6*) giá trị 3.440.000 đồng, T6 báo T4 chi phí để xuất hóa đơn là 280.000 đồng.

Thực hiện xong lớp tập huấn, H2 hoàn thiện hồ sơ quyết toán. Đến ngày 06/11/2023, Sở L thanh toán cho Lê Thị T6, T4 đến lấy 2.340.000 đồng tiền dôi dư (*là số tiền còn lại sau khi trừ giá trị ghi trên hóa đơn và giá trị hàng hóa thực tế*) đưa cho H2. H2 báo cáo và được H nhất trí trừ đi phần H2 đã ứng trước trong chuyến đi tập huấn. Sau khi trừ chi phí, số tiền còn dôi dư là 344.000 đồng.

Hành vi này của Trần Xuân H, Phan Thị Thu H2 và Lê Thị Hương T4 đã gây thiệt hại ngân sách nhà nước 2.288.400 đồng, gồm: 740.000 đồng mua kem cho học sinh; 976.000 đồng tiền mời cơm; 344.000 đồng tiền dôi dư; 228.400 đồng chênh lệch tiền mua hóa đơn với giá trị thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước.

3. Tập huấn xâm hại trẻ em tại huyện B (gây thiệt hại ngân sách nhà nước 2.521.800 đồng)

Căn cứ Kế hoạch chương trình tập huấn xâm hại trẻ em tại B được dự

toán kinh phí là 85.120.000 đồng. Để có tiền dôi dư, ngày 12/9/2023, Trần Xuân H chỉ đạo Phan Thị Thu H2 sẽ xử lý hóa đơn tại hạng mục nước uống (*dự toán là 4.040.000 đồng*) cùng với xây dựng nội dung tập huấn xâm hại trẻ em tại B đề H ký và trình Giám đốc Sở L thực hiện. Trên cơ sở danh sách của U huyện B đăng ký, H giao H2 tham mưu lãnh đạo Sở ban hành Công văn số 1515/SL-B gửi U huyện B mời tham dự tập huấn.

Ngày 23/9/2023, H2 đến cửa hàng tạp hóa của Trần Thị H3 (*địa chỉ: Tổ A, phường C1, thành phố S, tỉnh Sơn La*) mua 12 thùng nước lọc với giá 1.300.000 đồng và đề nghị H3 xuất hóa đơn giá 3.880.000 đồng, thỏa thuận phí xuất hóa đơn là 10% tổng giá trị hóa đơn, tương đương 390.000 đồng, H3 đồng ý. Sau đó, H2 cùng Lò Mai L4 (*Phó Trưởng phòng, do H nghỉ phép nên ủy quyền cho L4 thực hiện chương trình*), Lê Thị Hương T4 đi huyện B để thực hiện chương trình. Tại đây H2 ứng tiền cá nhân chi mời cơm Phòng L huyện B 930.000 đồng.

Thực hiện xong lớp tập huấn, H2 hoàn thiện hồ sơ quyết toán. Đến ngày 06/11/2023, Sở L thanh toán cho Trần Thị H3, H2 đến lấy 2.190.000 đồng dôi dư. H2 báo cáo và được H nhất trí trừ đi phần H2 đã ứng trước trong chuyến đi tập huấn. Sau khi trừ chi phí, số tiền còn dôi dư còn lại là 1.260.000 đồng.

Hành vi này của Trần Xuân H và Phan Thị Thu H2 đã gây thiệt hại ngân sách nhà nước 2.521.800 đồng, gồm: 930.000 đồng tiền mời cơm; 1.260.000 đồng tiền dôi dư; 331.800 đồng chênh lệch tiền mua hóa đơn với giá trị thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước.

4. Mục chi in tài liệu, văn phòng phẩm 03 lớp tập huấn kỹ năng phòng chống xâm hại trẻ em tại huyện M2, Y, B (*gây thiệt hại ngân sách nhà nước 9.238.245 đồng*)

Căn cứ Quyết định số 2023/QĐ-SL ngày 08/5/2023 của Sở L tỉnh Sơn La, tổng kinh phí dự toán mục chi in tài liệu, văn phòng phẩm 03 lớp tập huấn tại huyện M2, Y, B là 18.762.000 đồng. Ngày 16/8/2023, Trần Xuân H giao Phan Thị Thu H2 tham mưu xây dựng phiếu đề xuất in tài liệu văn phòng phẩm, lớp tập huấn để H ký và trình Giám đốc Sở phê duyệt, đồng thời tính toán xử lý hóa đơn để có tiền dôi dư. H2 đã liên hệ với Hoàng Thị L2 - Chủ hộ kinh doanh Hoàng Thị L2 (*địa chỉ: Số C, đường C, tổ A, phường C1, thành phố S, tỉnh Sơn La*) để thỏa thuận việc xuất hóa đơn không.

Sau khi hoàn thành việc triển khai tập huấn tại huyện M2, Y, B. Ngày 03/10/2023, H2 lập biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng số 40/BBNT&TLHĐ, trong đó thể hiện nội dung khối lượng hàng hóa Sở L đã sử dụng là 18.079.000 đồng cùng với bảng xác định khối lượng giá trị công việc hoàn thành. L2 đã xuất Hóa đơn bán hàng số 558 đề ngày 03/10/2023 (*đơn vị bán hàng Hộ kinh doanh Hoàng Thị L2*) giá trị 18.079.000 đồng. Sau đó H2 trình Lò Mai L4 duyệt (*khi trình ký, H2 không báo cáo với L4 về việc nâng không giá trị hàng hóa, L4 kiểm tra các văn bản thấy đúng với dự toán thì ký duyệt theo ủy quyền của H*) và chuyển Phòng K thẩm định và trình Giám đốc Sở L ký. Ngày 16/11/2023, Sở L thanh toán số tiền 18.079.000 đồng cho Hoàng Thị L2, H2 đến gặp L2 nhận lại 8.950.000 đồng dôi dư.

Hành vi này của Trần Xuân H và Phan Thị Thu H2 đã gây thiệt hại ngân sách nhà nước 9.238.245 đồng, gồm: 8.950.000 đồng tiền dôi dư; 288.245 đồng chênh lệch tiền mua hóa đơn với giá trị thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước.

5. Tổ chức hội thi tuyên truyền chính sách pháp luật bảo vệ chăm sóc trẻ em tại 05 trường học thuộc huyện M1 (gây thiệt hại ngân sách nhà nước 45.281.871 đồng)

Căn cứ Kế hoạch 39/KH-SL ngày 09/3/2023; Quyết định số 3350/QĐ-SL ngày 07/7/2023 của Sở L về phê duyệt dự toán kinh phí phòng chống xâm hại trẻ em lần 2 năm 2023, trong đó dự toán kinh phí tổ chức Hội thi tuyên truyền chính sách pháp luật bảo vệ chăm sóc trẻ em là 208.740.000 đồng. Ngày 14/7/2023, Trần Xuân H chỉ đạo Phan Thị Thu H2 tham mưu lãnh đạo Sở L ban hành Công văn số 1103/SL gửi U huyện M1 về phối hợp lựa chọn đơn vị trường học, tổ chức hội thi ngoại khóa tuyên truyền chính sách pháp luật về bảo vệ chăm sóc trẻ em.

H chỉ đạo H2 chủ động liên hệ với các đơn vị cung ứng dịch vụ và thống nhất: Đối với mục tăng âm loa đài thì xuất hóa đơn và trả tiền xuất hóa đơn theo phần trăm cho đơn vị cung ứng, liên hệ với 05 đơn vị trường học để chuẩn bị tăng âm loa đài phục vụ hội thi, đồng thời chỉ đạo sử dụng số tiền thanh toán hóa đơn tăng âm loa đài để hỗ trợ ngoài cho 05 trường. Đối với nội dung in tài liệu, H chỉ đạo in khoảng 06 bộ/01 trường để phát cho đội thi, đồng thời gửi bản mềm tài liệu cho các trường để các trường thực hiện tuyên truyền. Đối với nội dung hoa tươi thì không mua hoa để tặng kèm giải và chỉ mua hóa đơn để quyết toán. Đối với nội dung nước uống, bánh kẹo, H chỉ đạo mua hàng hóa một phần để xử lý hóa đơn. Trên cơ sở chỉ đạo của Trần Xuân H, Phan Thị Thu H2 đã thực hiện:

5.1. Mục chi tăng âm loa đài (gây thiệt hại ngân sách nhà nước 18.839.371 đồng)

H2 liên hệ với Hoa Ngọc L3 - Giám đốc Công ty TNHH H14 (địa chỉ: Số D, đường T, tổ D, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La), đề nghị L3 xuất hóa đơn giá trị 20.000.000 đồng, thỏa thuận chi phí xuất hóa đơn là 18%, tương đương 3.600.000 đồng, L3 đồng ý. Ngày 18/11/2023, H2 báo cáo H nội dung trên, H đồng ý và chỉ đạo H2 soạn thảo Hợp đồng kinh tế số 51/HĐKT-SL trình H duyệt, chuyển Phòng K thẩm định, trình Giám đốc Sở L duyệt, ký đóng dấu (có phiếu trình ký), sau đó chuyển lại cho H2 để chuyển cho L3 đóng dấu Công ty. H2 đã chi hỗ trợ tiền tăng âm loa đài cho các trường là 10.000.000 đồng. Đến ngày 24/11/2023, H2 lập biên bản bàn giao và nghiệm thu sản phẩm, ngày 04/12/2023 thực hiện thanh lý hợp đồng. L3 xuất Hóa đơn bán hàng số 58 đề ngày 04/12/2023 (đơn vị bán hàng Công ty TNHH H14) nội dung Sở L thuê 05 bộ tăng âm loa đài trị giá 20.000.000 đồng. Sau đó, H2 chuyển toàn bộ các tài liệu liên quan đến Phòng K để trình Giám đốc Sở L duyệt chi. Ngày 27/12/2023, Sở L thanh toán số tiền 20.000.000 đồng cho Công Ty TNHH H14. Do gia đình L3 bận việc nên đến khoảng tháng 5/2024, H2 đến gặp L3 để nhận 16.400.000 đồng (sau khi trừ chi phí hóa đơn là 3.600.000 đồng). Sau khi trừ tiền đã hỗ trợ các trường học 10.000.000 đồng, số tiền dôi dư còn lại là 6.400.000 đồng.

Hành vi này của Trần Xuân H và Phan Thị Thu H2 đã gây thiệt hại ngân sách

nhà nước 18.839.371 đồng, gồm: 16.400.000 đồng tiền dôi dư; 2.439.371 đồng chênh lệch tiền mua hóa đơn với giá trị thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước.

5.2. Mục chi nước uống, bánh kẹo (gây thiệt hại ngân sách nhà nước 15.405.000 đồng)

H2 liên hệ với Nguyễn Quang C - Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Quang C (địa chỉ: Số D, đường T, tổ D, phường Q1, thành phố S, tỉnh Sơn La), thống nhất khối lượng hàng hóa thực tế là 19.000.000 đồng nhưng xuất hóa đơn bán hàng giá trị 34.930.000 đồng và thỏa thuận chi 15% số tiền chênh lệch để xuất hóa đơn, C đồng ý. Ngày 18/11/2023, H2 báo cáo H nội dung trên, H đồng ý và chỉ đạo H2 soạn thảo Hợp đồng kinh tế số 52/HĐKT-SL, biên bản bàn giao hàng hóa số 52/BBBGNT ngày 19/11/2023 trình H duyệt, rồi chuyển Phòng K thẩm định, trình Giám đốc Sở L duyệt, ký đóng dấu, sau đó chuyển lại cho H2 để chuyển cho C ký đóng dấu. Thực hiện xong chương trình, H2 lập biên bản thanh lý hợp đồng và bảng xác định khối lượng giá trị công việc hoàn thành, trình H duyệt, chuyển Phòng K trình Giám đốc Sở ký, sau đó H2 nhận lại và chuyển cho C ký, đóng dấu. Ngày 12/12/2023, C xuất Hóa đơn bán hàng số 5 (tên người bán Hộ kinh doanh Nguyễn Quang C), tổng giá trị hóa đơn 34.930.000 đồng. H2 chuyển các tài liệu trên đến Phòng K thẩm định, trình Giám đốc Sở duyệt thanh toán. Ngày 22/12/2023, Sở L thanh toán số tiền 34.930.000 đồng cho Nguyễn Quang C, H2 đến gặp C để nhận 13.540.500 đồng dôi dư (sau khi trừ chi phí hóa đơn 2.389.500 đồng và tiền hàng 19.000.000 đồng).

Hành vi này của Trần Xuân H và Phan Thị Thu H2 đã gây thiệt hại ngân sách nhà nước 15.405.000 đồng, gồm: 3.540.500 đồng tiền dôi dư; 1.864.500 đồng chênh lệch tiền mua hóa đơn với giá trị thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước.

5.3. Mục chi hoa tươi (gây thiệt hại ngân sách nhà nước 4.925.000 đồng)

Nội dung này dự toán 5.000.000 đồng nên không cần lập hợp đồng kinh tế mà chỉ cần xuất hóa đơn và biên bản giao nhận hàng hóa. H2 đến gặp Nguyễn Thị T7 (địa chỉ: Tổ D, phường T, thành phố S, tỉnh Sơn La) đề nghị T7 xuất hóa đơn, thỏa thuận chi phí 5% trên tổng hóa đơn tương đương 250.000 đồng, T7 đồng ý. H2 báo cáo H nội dung trên được H đồng ý. Ngày 24/11/2023, H2 lập biên bản giao nhận hoa, trình H duyệt nhưng H chỉ đạo chỉ cần H2 ký vào biên bản giao nhận nên H2 ký và chuyển T7 ký, đóng dấu. Cùng ngày, T7 xuất Hóa đơn bán hàng số 605 (đơn vị bán hàng Nguyễn Thị T7), tổng giá trị hóa đơn 4.990.000 đồng. H2 trình các tài liệu cho H rồi chuyển đến Phòng K thẩm định và trình Giám đốc Sở duyệt thanh toán. Đến ngày 22/12/2023, Sở L thanh toán 4.990.000 đồng cho T7, H2 đến gặp T7 để nhận lại 4.740.000 đồng dôi dư (sau khi trừ chi phí xuất hóa đơn).

Hành vi này của Trần Xuân H và Phan Thị Thu H2 đã gây thiệt hại ngân sách nhà nước 4.925.000 đồng, gồm: 4.740.000 đồng tiền dôi dư; 185.000 đồng chênh lệch tiền mua hóa đơn với giá trị thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước.

5.4. Mục chi in tài liệu (gây thiệt hại ngân sách nhà nước 6.112.500 đồng)

Nội dung này dự toán 7.500.000 đồng. Ngày 16/11/2023, H2 đến gặp Hoàng

Thị L2 (*Chủ hộ kinh doanh Hoàng Thị L2*) thống nhất in 30 bộ tài liệu với giá 1.050.000 đồng nhưng lập hóa đơn giá trị 7.500.000 đồng, thỏa thuận chi phí xuất hóa đơn là 15% của số tiền nâng không, tương đương 967.500 đồng. H2 báo cáo H nội dung trên được H đồng ý và chỉ đạo H2 soạn Hợp đồng kinh tế số 53/HĐKT-SL ngày 18/11/2023 trình H duyệt để chuyển Phòng K thẩm định trình Giám đốc Sở L ký (*có phiếu trình ký*). Ngày 19/11/2023, H2 lập biên bản bàn giao sản phẩm, đến ngày 05/12/2023 lập biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng số 53/BBNTTLHĐ và bảng xác định khối lượng công việc hoàn thành. Cùng ngày 05/12/2023, Hoàng Thị L2 xuất Hóa đơn bán hàng số 795 (*đơn vị bán hàng Hộ kinh doanh Hoàng Thị L2*) giá trị 7.500.000 đồng. H2 trình các tài liệu cho H rồi chuyển Phòng K thẩm định và trình Giám đốc Sở duyệt thanh toán. Đến ngày 27/12/2023, Sở L thanh toán số tiền 7.500.000 đồng cho L2, H2 đến gặp L2 để nhận lại 5.482.500 đồng dôi dư (*sau khi trừ tiền hàng thực tế và chi phí xuất hóa đơn*).

Hành vi này của Trần Xuân H và Phan Thị Thu H2 đã gây thiệt hại ngân sách nhà nước 6.112.500 đồng, gồm: 5.482.500 đồng tiền dôi dư; 630.000 đồng chênh lệch tiền mua hóa đơn với giá trị thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước.

II. Chương trình phòng ngừa giảm thiểu lao động trẻ em năm 2023 (*Trần Xuân H chỉ đạo Phan Thị Thu H2 thực hiện*) gây thiệt hại ngân sách nhà nước 3.547.025 đồng

Căn cứ Kế hoạch 39/KH-SL ngày 09/3/2023; Quyết định số 2690/QĐ-SL ngày 02/6/2023 của Sở L về việc phê duyệt dự toán chương trình phòng ngừa giảm thiểu lao động trẻ em năm 2023. Ngày 06/7/2023, Trần Xuân H chỉ đạo Phan Thị Thu H2 tham mưu ban hành Công văn số 1046/SL-B gửi U huyện M1, V, U các xã, thị trấn trên địa bàn huyện M1 và V mời tham dự tập huấn nghiệp vụ phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em năm 2023.

Ngày 05/7/2023, H2 xây dựng phiếu đề xuất nội dung tổ chức tập huấn (*địa điểm, thời gian, số lượng đại biểu*) xây dựng hợp đồng kinh tế, trình Lò Mai L4 duyệt, sau đó chuyển Phòng K thẩm định trình Giám đốc Sở L ký, trong đó lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ là hộ kinh doanh Hoàng Thị L2 (*H2 trình L4 do Trần Xuân H đi công tác tại Huế từ ngày 04/7 đến 07/7/2023, đã ủy quyền cho L4 thực hiện nhiệm vụ của Trưởng phòng, H2 không báo cáo với L4 về việc nâng không giá trị hàng hóa, L4 kiểm tra các văn bản thấy đúng với dự toán thì ký duyệt theo sự ủy quyền của H*). Ngày 10/7/2023, H2 xây dựng biên bản bàn giao sản phẩm số 25/BBBG trình Lâm duyệt, chuyển Phòng K thẩm định đề trình Giám đốc Sở ký.

H2 liên hệ với L2, mua văn phòng phẩm, bánh kẹo phục vụ hội nghị và in tài liệu với tổng giá trị 8.693.000 đồng nhưng đề nghị L2 xuất hóa đơn nhiều hơn số lượng hàng hóa trên thực tế, chi phí xuất hóa đơn là 352.000 đồng, L2 đồng ý. Ngày 11/7/2023, H2 cùng Trần Xuân H và Ma Thu O đến Trung tâm V huyện M1 để chuẩn bị tổ chức hội nghị. H2 ứng tiền cá nhân chi: Mua đồ thực hiện hoạt động tương tác với các giáo viên hết 540.000 đồng; chi bồi dưỡng giáo viên 2.000.000 đồng. Sau hội nghị, H chỉ đạo H2 đặt cơm mời Phòng L huyện M1 và giảng viên, chi phí hết 1.250.000 đồng. Ngày 17/7/2023, H2 lập biên bản nghiệm

thu và thanh lý hợp đồng số 23/BBNT&TLHĐ, trong đó thể hiện nội dung khối lượng hàng hóa Sở L đã sử dụng 12.565.000 đồng, cùng bảng xác định khối lượng giá trị công việc hoàn thành trình Lò Mai L4 duyệt, chuyển Phòng K thẩm định và trình Giám đốc Sở. Cùng ngày 17/7/2025, L2 xuất Hóa đơn bán hàng số 355 (đơn vị bán hàng *Trần Thị H3*) tổng giá trị hóa đơn 12.565.000 đồng. Ngày 21/8/2023, Sở L thanh toán số tiền 12.565.000 đồng cho Hoàng Thị L2, H2 đến gặp L2 để nhận tiền (*sau khi trừ tiền hàng, chi phí xuất hóa đơn và các chi phí khác trong chuyến đi tập huấn, H2 âm tiền cá nhân 270.000 đồng*).

Hành vi này của Trần Xuân H và Phan Thị Thu H2 đã gây thiệt hại ngân sách nhà nước 3.547.025 đồng, gồm: 540.000 đồng tiền mua đồ; 2.000.000 đồng tiền bồi dưỡng giáo viên; 1.250.000 đồng tiền mời cơm; 27.025 đồng chênh lệch tiền mua hóa đơn với giá trị thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước.

* Ngoài các mục Trần Xuân H chỉ đạo và Phan Thị Thu H2 ứng trước tiền cá nhân để chi trong quá trình thực hiện các chương trình trên, H còn chỉ đạo H2 chi một số nội dung khác: 11.250.000 đồng tiền hỗ trợ văn nghệ cho 05 trường tại huyện M1; 300.000 đồng chi mua bảng phục vụ H thi tại huyện M1; 4.396.000 đồng chi mời cơm các đơn vị trường học khi tổ chức tại huyện M1. Số tiền dôi dư lại sau khi trừ các chi phí trên đối với 02 chương trình là 24.501.000 đồng (*đã trừ 270.000 đồng H2 chi âm trong Chương trình phòng ngừa giảm thiểu lao động trẻ em năm 2023*).

III. Chương trình trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2023 (Trần Xuân H chỉ đạo Lê Thị Hương T4 thực hiện) gây thiệt hại ngân sách nhà nước 17.924.756 đồng

Ngày 21/7/2023, Sở L ban hành Quyết định số 3357/QĐ-SL phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện các nội dung bảo trợ xã hội phục hồi chức năng cho người tâm thần theo Quyết định số 1929/QĐ-TTg ngày 25/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó chương trình này được dự toán 426.000.000 đồng.

1. Hội nghị tập huấn tại huyện Q (gây thiệt hại ngân sách nhà nước 2.905.556 đồng)

Căn cứ Quyết định số 3357/QĐ-SL ngày 21/7/2023 của Sở L, Lê Thị Hương T4 đề xuất Trần Xuân H mở lớp tập huấn tại huyện Q, H đồng ý. Ngày 16/8/2023, H chỉ đạo T4 xây dựng phiếu đề xuất tổ chức lớp tập huấn (*nội dung, địa điểm tại huyện Q, thời gian ngày 22/8/2023 và số lượng 131 đại biểu*) do H ký trình Giám đốc Sở L duyệt. Sau đó, T4 liên hệ với Đào Thị T8 - Giám đốc Công ty TNHH M1 (*địa chỉ: Xóm A, xã M3, huyện Q, tỉnh Sơn La*) cung ứng dịch vụ. T8 đồng ý xuất hóa đơn dịch vụ thuê hội trường và giải khát trị giá 8.360.000 đồng, bảo T4 khi nào triển khai thực tế sẽ ký hợp đồng sau. T4 báo cáo được H đồng ý và tham mưu ban hành Công văn số 1325/SL-B ngày 17/8/2023 gửi Phòng L huyện Q đề nghị phối hợp với U các xã lập danh sách đại biểu tập huấn. Sáng ngày 21/8/2023, T4 trình H duyệt Hợp đồng kinh tế số 37/2023/HĐKT-SL và chuyển Phòng K thẩm định trình Giám đốc Sở ký. Chiều ngày 21/8/2023, T4 gặp T8 để ký hợp đồng kinh tế. Ngày 22/8/2023 tổ chức hội nghị tập huấn, H giao

T4 mời cơm tiếp một số cán bộ huyện Q hỗ trợ và giảng viên, chi phí tiền ăn hết 1.750.000 đồng (*T4 ứng tiền cá nhân trả T8*). Sau khi hội nghị kết thúc, T4 gửi Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng cho T8 nhưng do T8 bận nên đến ngày 18/9/2023, T8 mới ký, đóng dấu và gửi cho T4, đồng thời xuất Hóa đơn giá trị gia tăng số 91 ngày 18/9/2023 (*đơn vị bán hàng Công ty TNHH M1*), tổng giá trị hàng hóa 6.840.000 đồng. T4 tổng hợp và trình H, chuyển Phòng K trình Giám đốc Sở ký hoàn thiện chứng từ để thanh toán cho đơn vị cung ứng.

Khi thực hiện thanh toán, trong Quyết định số 3357/QĐ-SL ngày 21/7/2023 còn thiếu kinh phí chi trả hỗ trợ đi lại cho đại biểu không hưởng lương ở xã M4 nên Phòng K yêu cầu xây dựng tờ trình điều chỉnh dự toán. Ngày 27/9/2023, Sở L ban hành Quyết định số 4545/QĐ-SL điều chỉnh nhiệm vụ chi dự toán kinh phí thực hiện nội dung bảo trợ xã hội, phục hồi chức năng cho người tâm thần tại Quyết định số 3357/QĐ-SL ngày 21/7/2023. Ngày 25/10/2023, Sở L thanh toán cho Công ty TNHH M1. Sau khi trừ tiền thuê hội trường 3.000.000 đồng, tiền giải khát 650.000 đồng, chi phí xuất hóa đơn 300.000 đồng, T4 nhận tiền mặt từ T8, sau đó báo cáo và được H nhất trí trừ số tiền T4 đã ứng trước, số tiền dôi dư còn lại T4 quản lý là 1.140.000 đồng.

Hành vi này của Trần Xuân H và Lê Thị Hương T4 đã gây thiệt hại ngân sách nhà nước 2.905.556 đồng, gồm: 1.750.000 đồng tiền mời cơm; 1.140.000 đồng tiền dôi dư; 15.556 đồng chênh lệch tiền mua hóa đơn với giá trị thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước.

2. Hội nghị tập huấn tại huyện M2 (gây thiệt hại ngân sách nhà nước 6.364.800 đồng)

Căn cứ Quyết định số 3357/QĐ-SL ngày 21/7/2023 của Sở L, ngày 11/9/2023, H chỉ đạo T4 xây dựng phiếu đề xuất tổ chức lớp tập huấn (*nội dung tổ chức 03 lớp tập huấn, địa điểm tại huyện M2, thời gian các ngày 19/9/2023, 20/9/2023, 21/9/2023; số lượng 333 đại biểu*) do Trần Xuân H ký trình Giám đốc Sở L duyệt. T4 liên hệ với đơn vị cung ứng dịch vụ là Nhà hàng H16 (*địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn H, huyện M2, tỉnh Sơn La*) thống nhất nội dung, điều kiện về hội trường và giải khát giữa giờ. Tuy nhiên, Nhà hàng H16 thông báo không cung ứng dịch vụ giải khát mà chỉ cho thuê hội trường. T4 báo cáo và được H chỉ đạo mua nước lọc, cà phê, bánh kẹo sẵn từ thành phố S. Ngày 18/9/2023, T4 đến cửa hàng tạp hóa của Lê Thị T6 mua nước lọc, cà phê, bánh kẹo cho 03 hội nghị trị giá 1.200.000 đồng (*mục chi này dự toán 13.320.000 đồng*), đồng thời lập biên bản giao nhận hàng hóa lần 1 (*với giá trị hàng hóa tương ứng số tiền 3.990.000 đồng*), trong biên bản thể hiện nội dung T4 và H nhận đủ khối lượng hàng hóa của cửa hàng Lê Thị T6. T4 đã trình H ký vào biên bản trên (*H biết việc T4 mua hàng hóa ít hơn giá trị thể hiện trong biên bản*). Ngày 19/9/2023, T4 và H đến Nhà hàng H16 tổ chức hội nghị tập huấn, số lượng đại biểu tham dự thực tế là 181/333 đại biểu cùng giảng viên và ban tổ chức nên số lượng được hưởng chế độ giải khát là 192 người. H chỉ đạo T4 đặt cơm mời cán bộ hỗ trợ, giảng viên, T4 đã đặt cơm tại Nhà hàng H16 và chi trả 2.600.000 đồng (*do T4 ứng tiền cá nhân*).

Ngày 20/9/2023, T4 lập biên bản giao nhận hàng hóa lần 2 (với giá trị hàng hóa là 3.690.000), trong biên bản thể hiện nội dung T4 và H nhận đủ khối lượng hàng hóa của cửa hàng Lê Thị T6. Thực tế khối lượng hàng hóa chỉ có 1.200.000 đồng T4 mua từ trước. T4 đã trình H ký vào biên bản trên (*H biết việc T4 mua hàng hóa ít hơn giá trị thể hiện trong biên bản*).

Đến ngày 20/12/2023, T4 bảo T6 xuất hóa đơn để quyết toán kinh phí, T6 đã xuất Hóa đơn bán hàng số 554 (đơn vị bán hàng Lê Thị T6) tổng giá trị hóa đơn 7.680.000 đồng, sau khi trừ chi phí xuất hóa đơn 10% tương đương 760.000 đồng. T4 chuyển hóa đơn và biên bản bàn giao nhận hàng hóa đến Phòng K để trình Giám đốc Sở duyệt thanh toán. Ngày 28/12/2023, Sở L thanh toán số tiền 7.680.000 đồng cho T6, T4 đến gặp T6 nhận lại 6.920.000 đồng tiền dôi dư. T4 báo cáo và được H nhất trí trừ đi phần T4 đã ứng trước, số tiền dôi dư T4 quản lý là 3.120.000 đồng.

Hành vi này của Trần Xuân H và Lê Thị Hương T4 đã gây thiệt hại ngân sách nhà nước 6.364.800 đồng, gồm: 2.600.000 đồng tiền mời cơm; 3.120.000 đồng tiền dôi dư; 644.800 đồng chênh lệch tiền mua hóa đơn với giá trị thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước.

3. Hội nghị tập huấn tại huyện B (gây thiệt hại ngân sách nhà nước 3.626.400 đồng)

Căn cứ Quyết định số 3357/QĐ-SL ngày 21/7/2023 của Sở L, ngày 13/9/2023, H chỉ đạo T4 xây dựng phiếu đề xuất tổ chức lớp tập huấn (*nội dung tổ chức 01 lớp tập huấn, địa điểm tại huyện B, thời gian ngày 25/9/2023, số lượng 165 đại biểu*). T4 đã liên hệ với Phòng L huyện B nhờ tìm địa điểm tập huấn và được giới thiệu tổ chức tại Trung tâm V huyện B, đồng thời được thông báo Trung tâm V không cung cấp dịch vụ giải khát mà chỉ cho thuê hội trường. T4 báo cáo và được H chỉ đạo là mua nước lọc, cà phê, bánh kẹo trước từ thành phố S để mang đi sử dụng. Ngày 18/9/2023, T4 đến cửa hàng kinh doanh của Trần Thị H3 (*địa chỉ: Tổ A, phường C1, thành phố S, tỉnh Sơn La*), mua hàng hóa trị giá 550.000 đồng (bằng tiền cá nhân T4 ứng trước), đồng thời lập biên bản giao nhận hàng hóa tương ứng số tiền 4.240.000 đồng (*mục chi này dự toán 6.560.000 đồng*), trong biên bản thể hiện nội dung T4 và H nhận đủ khối lượng hàng hóa của cửa hàng T20 (*H biết việc T4 mua hàng hóa ít hơn giá trị thể hiện trong biên bản*).

Ngày 23/9/2023, T4 cùng Lò Mai L4, Phan Thị Thu H2 đến Trung tâm V huyện B để tổ chức hội nghị tập huấn (*Trần Xuân H nghỉ phép nên ủy quyền cho Lò Mai L4 đi thay*). Có 02 hội nghị, gồm: Tập huấn kỹ năng phòng chống xâm hại trẻ em tổ chức ngày 24/9/2023 do H2 tham mưu; tập huấn người chăm sóc người tâm thần, trẻ tự kỷ, người rối nhiễu tâm trí sống dựa vào cộng đồng ngày 25/9/2023 do T4 tham mưu. Tối 24/9/2023, T4 báo cáo L4 mời cơm Phòng L huyện B và chi hết 1.600.000 đồng (*T4 ứng tiền cá nhân trả*). Ngày 27/9/2024, T4 bảo H3 xuất hóa đơn để quyết toán kinh phí, H3 xuất Hóa đơn bán hàng số 308 (đơn vị bán hàng Trần Thị H3) tổng giá trị hóa đơn 4.240.000 đồng. Sau khi trừ chi phí xuất hoá đơn 10% tương đương 420.000 đồng, T4 tổng hợp hóa đơn và biên bản bàn giao nhận hàng hóa chuyển đến Phòng K để trình Giám đốc Sở duyệt thanh toán. Ngày

25/12/2023, Sở L thanh toán số tiền 4.240.000 đồng cho H3, T4 đến gặp H3 nhận lại 3.820.000 đồng tiền dôi dư. T4 báo cáo và được H nhất trí trừ đi phần T4 đã ứng trước, số tiền còn dôi dư còn lại T4 quản lý là 1.670.000 đồng.

Hành vi này của Trần Xuân H và Lê Thị Hương T4 đã gây thiệt hại ngân sách nhà nước 3.626.400 đồng, gồm: 1.600.000 đồng tiền mời cơm; 1.670.000 đồng tiền dôi dư; 356.400 đồng chênh lệch tiền mua hóa đơn với giá trị thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước.

4. Mục chi mua văn phòng phẩm tập huấn cho 04 huyện M2, B, Q, V (gây thiệt hại ngân sách nhà nước 5.028.000 đồng)

Căn cứ Quyết định số 3357/QĐ-SL ngày 21/7/2023 của Sở L, mục chi văn phòng phẩm được dự toán 34.700.000 đồng. Ngày 18/8/2023, H chỉ đạo T4 xây dựng phiếu đề xuất cung cấp văn phòng phẩm và in tài liệu tập huấn cho Trần Xuân H ký trình Giám đốc Sở L duyệt. Ngày 21/8/2023 họp H đồng xét chọn giá cung cấp văn phòng phẩm và in tài liệu tập huấn, lựa chọn đơn vị cung ứng là hộ kinh doanh Hoàng Thị L2. Cùng ngày, Sở L ban hành Quyết định số 4014/QĐ-SL chỉ định đơn vị cung cấp văn phòng phẩm, in tài liệu.

Ngày 21/8/2023, T4 xây dựng Hợp đồng kinh tế số 38/HĐKT-SL thể hiện nội dung Sở L hợp đồng nhận cung ứng hàng hóa từ hộ kinh doanh Hoàng Thị L2, giá trị hợp đồng 34.700.000 đồng, trình H duyệt, chuyển Phòng K thẩm định và trình Giám đốc Sở ký. Sau khi ký hợp đồng, T4 lập biên bản giao nhận hàng hóa lần 1 trị giá 9.950.000 đồng. Ngày 18/9/2023, lập biên bản giao nhận hàng hóa lần 2 trị giá 11.650.000 đồng, trình H và chuyển Phòng K thẩm định, trình Giám đốc Sở ký (*H biết việc T4 mua hàng hóa ít hơn giá trị thể hiện trong biên bản*). Khối lượng hàng hóa thực tế T4 nhận từ Hoàng Thị L2 là 15.210.000 đồng. Kết thúc các hội nghị tập huấn, T4 đã thống nhất với L2, sau đó, L2 xuất Hóa đơn bán hàng số 609 đề ngày 12/10/2023 (*đơn vị bán hàng Hộ kinh doanh Hoàng Thị L2*) giá trị hàng hóa 21.600.000 đồng, thỏa thuận chi 10% của số tiền nâng không tương đương 648.000 đồng đề xuất hóa đơn, T4 đồng ý, đồng thời đặt mua thêm một số văn phòng phẩm cho văn phòng, tổng số tiền 90.000 đồng. Ngày 09/11/2023, Sở L duyệt thanh toán cho L2 số tiền 21.120.000 đồng (*do Phòng K điều chỉnh số lượng hàng hóa trên thực tế*), T4 đến gặp L2 nhận lại 5.262.000 đồng tiền dôi dư.

Hành vi này của Trần Xuân H và Lê Thị Hương T4 đã gây thiệt hại ngân sách nhà nước 5.028.000 đồng, gồm: 5.262.000 đồng tiền dôi dư; 90.000 đồng mua văn phòng phẩm, đối trừ 324.000 đồng chênh lệch tiền mua hóa đơn với số tiền được loại trừ thuế (*số tiền mua hóa đơn T4 trả cho L2 là 648.000 đồng; số tiền được loại trừ thuế là 9.720.000 đồng*).

Như vậy, trong quá trình thực hiện 03 chương trình trên, Trần Xuân H, Phan Thị Thu H2 và Lê Thị Hương T4 đã gây thiệt hại ngân sách nhà nước tổng số tiền 81.566.097 đồng (*Chương trình phòng chống xâm hại trẻ em năm 2023 gây thiệt hại 60.094.316 đồng; Chương trình phòng ngừa giảm thiểu lao động trẻ em năm 2023 gây thiệt hại 3.547.025 đồng; Chương trình trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng*

trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2023 gây thiệt hại 17.924.756 đồng). Trong đó, Trần Xuân H phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng số tiền gây thiệt hại ngân sách nhà nước là 81.566.097 đồng; Phan Thị Thu H2 phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền gây thiệt hại là 63.641.341 đồng; Lê Thị Hương T4 phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền gây thiệt hại là 20.213.156 đồng.

*** Việc sử dụng tiền dôi dư sau khi thanh toán của Trần Xuân H, Phan Thị Thu H2, Lê Thị Hương T4:** Ngày 02/01/2024, H chỉ đạo tổng hợp các khoản thu, chi từ việc thực hiện các chương trình để báo cáo Giám đốc Sở L. Kết quả: Phan Thị Thu H2 quản lý 24.501.000 đồng tiền dôi dư; Lê Thị Hương T4 quản lý 11.192.000 đồng tiền dôi dư; đối với Lò Mai L4 quản lý 19.000.000 đồng (là tiền hỗ trợ xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh); Ma Thu O quản lý 21.000.000 đồng (của tổ chức OSV - tổ chức phẫu thuật nụ cười hỗ trợ cho phòng việc rà soát liên lạc với đối tượng khám, chỉ định phẫu thuật sút môi, hở hàm ếch trên địa bàn tỉnh), tổng cộng 75.693.000 đồng, sau khi bù vào phần đã chi cho các hoạt động chung của cơ quan trước đó (mà các cá nhân khác đã ứng ra), còn lại 40.000.000 đồng. H báo cáo Nguyễn Tuấn A3, sau đó thông báo lại ý kiến chỉ đạo tại phòng làm việc như sau: Chuyển 30.000.000 đồng cho Trần Văn A4 - Thủ quỹ Văn phòng Sở, 10.000.000 đồng phục vụ thăm hỏi tặng quà tại huyện Q.

IV. Chương trình an toàn vệ sinh lao động năm 2022 (Bùi Nam G thực hiện) gây thiệt hại ngân sách nhà nước 53.186.869 đồng

Căn cứ Kế hoạch số 519/KH-BCĐ ngày 04/3/2022 của Ban Chỉ đạo T Trung ương về triển khai Tháng hành động an toàn, vệ sinh lao động năm 2022, Bùi Nam G được Nguyễn Thị H6 - Trưởng phòng L1 Sở L giao tham mưu lãnh đạo Sở để tham mưu cho U tỉnh Sơn La xây dựng dự thảo kế hoạch tổ chức Tháng hành động về an toàn, vệ sinh lao động năm 2022. Ngày 14/4/2022, U tỉnh Sơn La ban hành Kế hoạch số 114/KH-U; ngày 21/4/2022, Sở L ban hành Kế hoạch số 59/KH-SL về tổ chức Tháng hành động về an toàn, vệ sinh lao động năm 2022, trong đó có nội dung kiểm tra, giám sát về an toàn, vệ sinh lao động tại các đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn các huyện, thành phố, dự kiến 05 huyện, thành phố, 02 ngày làm việc; thành phần đoàn giám sát 08 người gồm: Lãnh đạo Sở L 01 người; lãnh đạo, chuyên viên phòng L1 02 người; đại diện thanh tra Sở L 01 người; đại diện Sở Y 01 người; đại diện Đ tỉnh 01 người; lái xe 01 người.

G được H6 giao phối hợp với Phòng K xây dựng dự toán nội dung chi cho Đoàn kiểm tra, xây dựng xong trình H6 duyệt rồi chuyển Phòng K thẩm định, trình Giám đốc Sở ban hành Quyết định số 1748/QĐ-SL ngày 11/5/2022 phê duyệt dự toán kinh phí Tháng hành động về an toàn, vệ sinh lao động năm 2022. Nội dung kiểm tra liên ngành công tác an toàn, vệ sinh lao động đối với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, dự toán 78.300.000 đồng.

Ngày 16/5/2022, U tỉnh Sơn La ban hành Quyết định số 838/QĐ-U thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành an toàn, vệ sinh lao động năm 2022, thành phần Đoàn kiểm tra gồm: Ông Nguyễn Mạnh D2 - Phó Giám đốc Sở L; bà Nguyễn Thị H6 - Trưởng phòng L1; Bùi Nam G - Chuyên viên phòng L1; ông Phan Đức A1 -

Thanh tra Sở L; ông Nguyễn Văn T13 - Chuyên viên B LĐ; ông Hoàng Dương A2 - Bác sỹ K, y tế trường học, bệnh nghề nghiệp Trung tâm K1 tỉnh Sơn La; ông Nguyễn Đắc T12 - Phóng viên Đ tỉnh Sơn La. Sau đó, Sở L ban hành Công văn số 920/SL-L ngày 16/5/2022 thông báo chương trình kiểm tra an toàn, vệ sinh lao động đến các đơn vị. Lịch trình kiểm tra: Ngày 17/5/2022 Công ty cổ phần T21, địa chỉ: Tiểu khu D, thị trấn I, huyện M; ngày 18/5/2022 Công ty cổ phần M2, địa chỉ: Thị trấn I, huyện M, tỉnh Sơn La; ngày 19/5/2022, Công ty cổ phần G2, địa chỉ: Bản B, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La; ngày 23/5/2022, Công ty TNHH R, địa chỉ: Bản B, xã Đ, huyện M, tỉnh Sơn La; ngày 24/5/2022 Công ty TNHH X, địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La; ngày 26/5/2022, Công ty cổ phần H14, địa chỉ: Bản P, xã H, huyện S, tỉnh Sơn La; ngày 27/5/2022 Công ty TNHH H17, địa chỉ: Bản P, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La; ngày 30/5/2022, Công ty TNHH T22, địa chỉ: Bản N, xã S, huyện S, tỉnh Sơn La; ngày 31/5/2022 Công ty TNHH Đ2, địa chỉ: Bản C, xã S, huyện S, tỉnh Sơn La.

Quá trình tổ chức thực hiện, Nguyễn Mạnh D2, Phó Giám đốc Sở L đi chữa bệnh tại Bệnh viện N2 nên không tham gia, Đoàn công tác còn lại 07 người. Sáng 17/5/2022, Nguyễn Thị H6 chuyển cho G 10.000.000 đồng để lo ăn nghỉ và các chi phí phát sinh của đoàn. Sau đó, đoàn đi kiểm tra thực tế tại Công ty cổ phần T21, buổi trưa cả đoàn ăn cơm tại Nhà hàng B tại thị trấn I, huyện M do Công ty cổ phần T21 mời. G đã chi ăn sáng, nước uống, uống cà phê hết 765.000 đồng. Ngày 18/5/2022, Đoàn kiểm tra làm việc tại Công ty cổ phần G2. G chi tiền ăn sáng 400.000 đồng. Sáng 19/5/2022, Đ1 kiểm tra xuất phát đi M, làm việc tại Công ty TNHH X, có ăn cơm và nghỉ trưa do P huyện M mời. G chi tiền ăn sáng và cà phê, sữa chua, nước hết 1.545.000 đồng. Chiều cùng ngày, Đoàn kiểm tra đến làm việc tại Công ty TNHH R tại bản B, xã Đ, huyện M, kiểm tra xong thì về Sơn La, có ăn tối dọc đường đi, G thanh toán hết 1.350.000 đồng. Ngày 21/5/2022, Đoàn kiểm tra xuất phát đi S, làm việc tại Công ty cổ phần H14, buổi trưa ăn cơm tại thị trấn S, G chi trả tiền ăn sáng, ăn trưa hết 2.110.000 đồng. Ngày 24/5/2022, Đoàn kiểm tra đi huyện S, ăn cơm tại thị trấn S, G chi tiền ăn sáng và ăn trưa 1.870.000 đồng. Sáng 25/5/2022, kiểm tra tại Công ty TNHH T22 tại bản N, xã S, huyện S, sau đó, quay trở lại phòng nghỉ, G thanh toán hết 1.240.000 đồng.

Kết thúc chuyến công tác, G tổng hợp lại số tiền thực tế đã chi và báo cáo Nguyễn Thị H6, xin ý kiến để thanh toán toàn bộ số tiền dự toán của Đoàn công tác. H6 chỉ đạo G phải thanh toán đủ theo số tiền dự toán đã giao, hoàn thiện hồ sơ trình lãnh đạo Sở ký, sau đó trừ đi chi phí thực tế để có tiền dôi dư. G đã liên hệ với các đơn vị cung ứng hóa đơn để thỏa thuận về việc xuất hóa đơn, số tiền phần trăm để xuất hóa đơn, số tiền còn lại sau thanh toán, các chứng từ cụ thể như sau:

1. Chứng từ thanh toán phòng nghỉ phục tại huyện M. Đơn vị cung ứng hóa đơn: Hộ kinh doanh cá thể Đào Thị V (địa chỉ: Thị trấn I, huyện M, tỉnh Sơn La). G liên hệ với Đào Thị V đề nghị xuất hóa đơn và thỏa thuận chi 20% tổng giá trị tiền phòng nghỉ làm phí xuất hóa đơn. V đồng ý, xuất Hóa đơn bán hàng số 101 đề ngày 18/5/2022 (đơn vị bán hàng Hộ kinh doanh cá thể Đào Thị V), tổng giá trị hóa đơn 2.376.000 đồng, nội dung thể hiện thuê 04 phòng nghỉ 01 tối x

600.000đ/01 phòng = 2.400.000 đồng, giảm trừ 24.000 đồng theo Nghị quyết số 48/2022/QH15, còn lại 2.376.000 đồng. G chuyển tiền xuất hóa đơn 480.000 đồng cho V, sau đó V gửi ảnh hóa đơn qua Zalo cho G, G in ra ký tên người mua, rồi tổng hợp hóa đơn và biên bản bàn giao nhận hàng hóa chuyển Phòng K thẩm định, trình Giám đốc Sở duyệt thanh toán. Ngày 30/8/2022, Sở L thanh toán số tiền 2.376.000 đồng cho G. Sau khi trừ tiền hóa đơn và tiền ăn đã ứng trước đó, số tiền dôi dư G quản lý là 1.131.000 đồng. Hành vi này của Bùi Nam G đã gây thiệt hại ngân sách nhà nước 2.208.000 đồng, gồm: 765.000 đồng tiền ăn sáng, nước uống, uống cà phê (ngày 17/5/2022); 1.131.000 đồng tiền dôi dư; 312.000 đồng chênh lệch tiền mua hóa đơn với giá trị thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước.

2. Chứng từ thanh toán phòng nghỉ tại huyện M. Đơn vị cung ứng hoá đơn: Trương Thị T9 (địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La). G nhờ Nguyễn Thị Thương T14, sinh năm 1986 - Chuyên viên phòng L1 liên hệ với T9 để lấy hộ hóa đơn (do G không quen biết T9), T14 đồng ý. Sau đó, T14 báo lại với G phí xuất hóa đơn là 20%, tổng giá trị tiền thuê phòng tương đương 480.000 đồng, G đã đưa T14 số tiền trên. T14 xuất Hóa đơn bán hàng số 170 đề ngày 20/5/2022 (đơn vị bán hàng Trương Thị T9), tổng giá trị hóa đơn 2.376.000 đồng, nội dung hoá đơn thuê 04 phòng nghỉ x 01 tối x 600.000đ/01 phòng = 2.400.000 đồng, giảm trừ 24.000 đồng theo Nghị quyết số 48/2022/QH15, còn lại 2.376.000 đồng. T14 gửi ảnh hóa đơn qua Zalo cho G, G in ra ký tên người mua rồi tổng hợp hóa đơn và biên bản bàn giao nhận hàng hóa chuyển đến Phòng K thẩm định, trình Giám đốc Sở duyệt thanh toán. Ngày 30/8/2022, Sở L tỉnh Sơn La thanh toán số tiền 2.376.000 đồng cho G. Sau khi trừ tiền hóa đơn và tiền ăn đã ứng trước đó, số tiền dôi dư G quản lý là 1.496.000 đồng. Hành vi này của Bùi Nam G đã gây thiệt hại ngân sách nhà nước 2.208.000 đồng, gồm: 400.000 đồng tiền ăn sáng (ngày 18/5/2022); 1.496.000 đồng tiền dôi dư; 312.000 đồng chênh lệch tiền mua hóa đơn với giá trị thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước.

3. Chứng từ thanh toán phòng nghỉ tại huyện M. Đơn vị cung ứng hoá đơn: Trần Tuấn A (địa chỉ: Tiểu khu T, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La). G nhờ T14 liên hệ để lấy hộ hóa đơn, T14 báo lại với G phí xuất hóa đơn là 20% tổng giá trị tiền thuê phòng tương đương 1.500.000 đồng, G đã chuyển T14 số tiền trên. Trần Tuấn A xuất Hóa đơn bán hàng số 02 đề ngày 25/5/2022 (đơn vị bán hàng Trần Tuấn A), tổng giá trị 7.128.000 đồng, nội dung hóa đơn thể hiện thuê 4 phòng nghỉ x 03 đêm x 600.000 đồng = 7.200.000 đồng, trừ 72.000 đồng theo Nghị quyết số 48/2022/QH15, còn lại 7.128.000 đồng. T14 gửi ảnh hóa đơn qua Zalo cho G, G in ra ký tên người mua, rồi tổng hợp hóa đơn và biên bản bàn giao nhận hàng hóa chuyển đến Phòng K thẩm định, trình Giám đốc Sở duyệt thanh toán. Ngày 30/8/2022, Sở L tỉnh Sơn La thanh toán số tiền 7.128.000 đồng cho G. Sau khi trừ tiền hóa đơn và các khoản tiền đã ứng trước đó, số tiền dôi dư G quản lý là 2.733.000 đồng. Hành vi này của Bùi Nam G đã gây thiệt hại ngân sách nhà nước 6.624.000 đồng, gồm: 1.545.000 đồng tiền ăn sáng, cà phê, sữa chua, nước; 1.350.000 đồng tiền ăn tối (ngày 19/5/2022); 2.733.000 đồng tiền dôi dư; 996.000 đồng chênh lệch tiền mua hóa đơn với giá trị thuế phải nộp vào

ngân sách nhà nước.

4. Chứng từ thanh toán phòng nghỉ tại huyện S. Đơn vị cung ứng hoá đơn: Trần Thùy D1 (*địa chỉ: Bản Q, xã N, huyện S, tỉnh Sơn La*). G liên hệ với D1 đề nghị xuất hóa đơn và thỏa thuận chi 20% tổng giá trị tiền phòng nghỉ làm phí xuất hóa đơn. D1 đồng ý, xuất Hóa đơn bán hàng số 13 đề ngày 03/6/2022 (*đơn vị bán hàng Trần Thùy D1*), tổng giá trị hóa đơn 4.752.000 đồng, thể hiện thuê 04 phòng nghỉ x 02 đêm x 600.000 đồng/01 phòng = 4.800.000 đồng, giảm trừ 48.000 đồng theo Nghị quyết số 48/2022/QH15 còn 4.752.000 đồng. Số tiền xuất hóa đơn là 480.000 đồng, D1 bảo G chuyển khoản nhưng do tài khoản của G hết tiền nên G nhờ Lê Thị Phương T15 - Chuyên viên phòng L1 chuyển khoản cho D1 và G trả T15 tiền mặt. D1 gửi ảnh hoá đơn qua Zalo cho G, G in ra ký tên người mua rồi tổng hợp hóa đơn, biên bản bàn giao nhận hàng hóa chuyển Phòng K thẩm định, trình Giám đốc Sở duyệt thanh toán. Ngày 30/8/2022, Sở L tỉnh Sơn La thanh toán số tiền 4.752.000 đồng cho G. Sau khi trừ tiền hóa đơn và tiền ăn, ăn trưa đã ứng trước đó, số tiền dôi dư G quản lý là 2.162.000 đồng. Hành vi này của Bùi Nam G đã gây thiệt hại ngân sách nhà nước 4.466.880 đồng, gồm: 2.110.000 đồng tiền ăn sáng, ăn trưa (*ngày 21/5/2022*); 2.162.000 đồng tiền dôi dư; 194.880 đồng chênh lệch tiền mua hóa đơn với giá trị thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước.

5. Chứng từ thanh toán phòng nghỉ tại huyện S. Đơn vị cung ứng hóa đơn: Cầm Duy V1 (*địa chỉ: Nhà N, thị trấn S, huyện S, tỉnh Sơn La*), người quản lý là Hoàng Thị H4 (*địa chỉ: Bản H, xã S, tỉnh Sơn La*). Ngày 24/5/2022, Đoàn kiểm tra đã nghỉ tại Nhà N, G xin số điện thoại của H4, sau đó liên lạc với H4 đề nghị xuất hóa đơn, H4 đồng ý, xuất Hóa đơn bán hàng số 18 đề ngày 01/6/2022 (*đơn vị bán hàng Cầm Duy V1*), tổng giá trị hoá đơn 7.128.000 đồng, nội dung hóa đơn thể hiện thuê 06 phòng x 02 tối x 600.000 đồng/01 phòng = 7.200.000 đồng, giảm trừ 72.000 đồng theo Nghị quyết 48/2022/QH15, còn lại 7.128.000 đồng. Thỏa thuận chi phí xuất hóa đơn là 18% tương đương số tiền 1.200.000 đồng, G đã chuyển khoản cho H4, sau đó H4 gửi ảnh hóa đơn qua Zalo cho G, G in ra ký tên người mua rồi tổng hợp hóa đơn và biên bản bàn giao nhận hàng hóa chuyển Phòng K thẩm định, trình Giám đốc Sở duyệt thanh toán. Ngày 30/8/2022, Sở L tỉnh Sơn La thanh toán số tiền 7.128.000 đồng cho G. Sau khi trừ tiền hóa đơn và tiền ăn đã ứng trước đó, số tiền dôi dư G quản lý là 2.818.000 đồng. Hành vi này của Bùi Nam G đã gây thiệt hại ngân sách nhà nước 5.460.320 đồng, gồm: 1.870.000 đồng tiền ăn sáng, ăn trưa (*ngày 24/5/2022*); 2.818.000 đồng tiền dôi dư; 772.320 đồng chênh lệch tiền mua hóa đơn với giá trị thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước.

6. Chứng từ thanh toán tiền thuê xe đưa Đoàn kiểm tra liên ngành đi kiểm tra trên địa bàn các huyện thành phố năm 2022. Đơn vị cung ứng dịch vụ: Công ty cổ phần T19 (*địa chỉ: Số nhà A, đường T, tổ I, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La*). G đã liên hệ với với kế toán của Công ty cổ phần T19 là Từ H để làm hợp đồng vận chuyển hành khách và các hồ sơ, tài liệu liên quan, thỏa thuận xuất hóa đơn có thể hiện số ngày thuê xe là 15 ngày, đơn giá 2.314.815 đồng x 15 ngày = 34.722.225 đồng + 8% tiền thuế GTGT là 2.777.775 đồng. Tổng giá

trị hóa đơn là 37.500.000 đồng. Thực tế, việc thuê xe đưa Đoàn kiểm tra đi M 01 ngày, M 01 ngày, S 01 ngày, S 02 ngày 01 đêm, M 01 ngày, tổng cộng 06 ngày x 2.500.000 đồng = 15.000.000 đồng (*nâng không 22.500.000 đồng*). G và Y thỏa thuận chi phí xuất hóa đơn là 15% của số nâng không tương đương với số tiền 3.375.000 đồng. Ngày 01/7/2022, Y xuất Hóa đơn bán hàng số 94 (*đơn vị bán hàng Công ty cổ phần T19*) với tổng giá trị 37.500.000 đồng. Ngày 30/8/2022, Sở L thanh toán số tiền 37.500.000 đồng cho Công ty cổ phần T19, G đến gặp Y, sau khi trừ tiền hóa đơn, G nhận lại số tiền dôi dư từ Y là 19.125.000 đồng. Hành vi này của Bùi Nam G đã gây thiệt hại ngân sách nhà nước 21.179.669 đồng, gồm: 19.125.000 đồng tiền dôi dư; 2.054.669 đồng chênh lệch tiền mua hóa đơn với giá trị thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước.

7. Chứng từ thanh toán công tác phí đối với 14 giấy đi đường cấp cho 07 thành viên Đoàn kiểm tra liên ngành (*mỗi người 02 giấy*), gồm: Nguyễn Mạnh D2 số 264 và 284; Nguyễn Thị H6 số 265 và 285; Bùi Nam G số 266 và 286; Phan Đức A1 số 267 và 287; Nguyễn Văn T13 số 268 và 288; Hoàng Dương A2 số 269 và 289; Nguyễn Đắc T12 số 270 và 290 thể hiện số ngày đi công tác là 15 ngày x 160.000 đồng/người/ngày x 07 người = 16.800.000 đồng. Thực tế đoàn chỉ có 06 người đi công tác (*trừ Nguyễn Mạnh D2 nghỉ phép đi chữa bệnh tại Hà Nội*) trong thời gian 06 ngày nên số tiền công tác phí được thanh toán là 160.000 đồng/ngày x 06 ngày = 960.000 đồng/người x 06 người = 5.760.000 đồng. Sau khi kết thúc chuyến công tác, Sở L đã thanh toán toàn bộ công tác phí của 15 ngày đi công tác cho 07 người theo 14 giấy đi đường trên vào tài khoản ngân hàng của G. Sau đó, G chuyển lại tiền cho thành viên trong Đoàn kiểm tra, cụ thể: Nguyễn Đắc T12, Phan Đức A1, Hoàng Dương A2, Nguyễn Văn T13 mỗi người 2.400.000 đồng/người x 04 người = 9.600.000 đồng; G, H6 mỗi người 960.000 đồng/người x 02 người = 1.920.000 đồng; D2 không nhận tiền thanh toán do không tham gia Đoàn công tác. Sau khi chuyển xong, G quản lý số tiền dôi dư còn lại là 5.280.000 đồng. Hành vi này của Bùi Nam G đã gây thiệt hại ngân sách nhà nước 11.040.000 đồng, gồm: 5.700.000 đồng thanh toán không đúng cho Nguyễn Đắc T12, Phan Đức A1, Hoàng Dương A2, Nguyễn Văn T13; 5.280.000 đồng tiền dôi dư, cụ thể: Giấy đi đường số 264 và 284 của Nguyễn Mạnh D2 thiệt hại 2.400.000 đồng; Nguyễn Thị H6 số 265 và 285; Bùi Nam G số 266 và 286; Phan Đức A1 số 267 và 287; Nguyễn Văn T13 số 268 và 288; Hoàng Dương A2 số 269 và 289; Nguyễn Đắc T12 số 270 và 290 thiệt hại 1.440.000 đồng/người.

V. Chương trình an toàn vệ sinh lao động năm 2023 (*Bùi Nam G thực hiện*) gây thiệt hại ngân sách nhà nước 11.109.816 đồng

Căn cứ Kế hoạch số 4881/KH-BCĐ ngày 28/11/2022 của Ban Chỉ đạo T Trung ương về triển khai Tháng hành động an toàn, vệ sinh lao động năm 2023, H6 chỉ đạo G tham mưu lãnh đạo Sở L để tham mưu cho U tỉnh Sơn La xây dựng dự thảo kế hoạch tổ chức Tháng hành động về an toàn, vệ sinh lao động năm 2023. Ngày 03/4/2023, U tỉnh ban hành Kế hoạch số 91/KH-U; ngày 17/4/2023, Sở L ban hành Kế hoạch số 54/KH-SL về tổ chức Tháng hành động về an toàn, vệ sinh lao động năm 2023, trong đó có nội dung: (1) Các hoạt động về truyền thông; (2) Các hoạt động kiểm tra, giám sát về an toàn, vệ sinh lao

động tại các đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn các huyện, thành phố, dự kiến 05 huyện, thành phố, 02 ngày làm việc; thành phần Đoàn kiểm tra có 08 người, gồm: Lãnh đạo Sở L 01 người; lãnh đạo, chuyên viên phòng L1 02 người; đại diện Thanh tra Sở L 01 người; đại diện Sở Y 01 người; đại diện Đ tỉnh 01 người; lái xe 01 người. H6 giao G dự thảo thành phần Đoàn kiểm tra và dự kiến các đơn vị được kiểm tra để tham mưu cho U tỉnh, sau đó phối hợp với Phòng K xây dựng dự toán nội dung chi cho đoàn, trình H6 ký, chuyển Phòng K thẩm định, trình Giám đốc Sở ban hành Quyết định số 1951A/QĐ-SL, ngày 04/5/2023 phê duyệt dự toán kinh phí Tháng hành động an toàn, vệ sinh lao động năm 2023. Nội dung: (1) Tổ chức lễ phát động Tháng an toàn, vệ sinh lao động năm 2023 dự toán 32.800.000 đồng; (2) Kiểm tra liên ngành công tác an toàn, vệ sinh lao động đối với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh dự toán 45.180.000 đồng.

1. Đối với chứng từ thanh toán tiền thuê trang phục biểu diễn tại lễ phát động tháng an toàn, vệ sinh lao động năm 2023 (gây thiệt hại ngân sách nhà nước 8.928.000 đồng)

Ngày 04/5/2023, G tham mưu, xây dựng và trình H6 ký phiếu đề xuất, nội dung thực hiện Tháng hành động an toàn, vệ sinh lao động, chuyển Phòng K thẩm định, trình Giám đốc Sở duyệt. H6 giao G đi liên hệ các đơn vị cung ứng dịch vụ để chuẩn bị buổi lễ phát động. G thỏa thuận, thuê Hà Thị Khánh H5 (*sinh năm 1989, trú tại: Tổ B Q, phường T, tỉnh Sơn La*) phụ trách chương trình văn nghệ (*thỏa thuận miệng, không có hợp đồng*) với số tiền công là 9.000.000 đồng. Sau khi buổi lễ kết thúc, H5 yêu cầu G thanh toán tiền, G trả lời cần có hóa đơn thuê trang phục biểu diễn mới có thể thanh toán (*G biết H5 không phải đi thuê trang phục biểu diễn, đồng thời H5 không thể xuất hóa đơn vì không đăng ký kinh doanh*), do đó G nhờ H5 nếu biết đơn vị nào có thể xuất hóa đơn thì lấy hộ. H5 đồng ý, liên hệ với Phạm Thị T10 (*địa chỉ: Tổ I, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La*) không phải đơn vị cho thuê trang phục, cũng không kinh doanh liên quan đến trang phục biểu diễn, nhờ xuất hóa đơn theo yêu cầu của G với giá trị 9.920.000 đồng, T10 trả lời phí xuất hóa đơn hết 1.980.000 đồng và xuất Hóa đơn bán hàng số 18 đề ngày 14/6/2023 (*đơn vị bán hàng Phạm Thị T10*). G và H6 đã ứng tiền cá nhân để trả công cho H5 và phí xuất hóa đơn. Sau đó G tổng hợp hóa đơn, chứng từ, hoàn thiện hồ sơ trình lãnh đạo phòng và lãnh đạo Sở ký duyệt thanh toán. Ngày 07/11/2023, Sở L thanh toán số tiền 9.920.000 đồng, G nhận rồi bù vào các khoản đã ứng ra trước đó (*chi phí mua hóa đơn; tiền thanh toán cho Hà Thị Khánh H5*), bị âm từ tiền cá nhân 1.060.000 đồng. Hành vi này của Bùi Nam G đã gây thiệt hại ngân sách nhà nước 8.928.000 đồng, gồm: 988.000 đồng chênh lệch tiền mua hóa đơn với giá trị thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước và số tiền bù vào khoản tiền ứng để trả công cho H5.

2. Kiểm tra an toàn, vệ sinh lao động năm 2023 (gây thiệt hại ngân sách nhà nước 2.181.816 đồng)

Ngày 26/5/2023, U tỉnh Sơn La ban hành Quyết định số 888/QĐ-U thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành an toàn, vệ sinh lao động năm 2023. Thành phần gồm: Ông Nguyễn Mạnh D2 - Phó Giám đốc Sở L; ông Phạm Hồng H7 - Phó

Trưởng phòng L1 Sở L; Bùi Nam G - Chuyên viên phòng L1; ông Phan Đức A1 - Thanh tra viên Sở L; ông Nguyễn Văn T13 - Chuyên viên B LĐ tỉnh Sơn La; ông Lò Văn H10 - Bác sỹ Trung tâm K tỉnh; bà Nguyễn Thị Hồng S1 - Phóng viên Đ tỉnh Sơn La. Lịch trình kiểm tra: Sáng 29/5/2023, kiểm tra tại Công ty cổ phần P1 (địa chỉ: *Bản P, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La*); ngày 30/5/2023, kiểm tra tại Công ty cổ phần T24 (địa chỉ: *Bản T, xã T, huyện Y, tỉnh Sơn La*); ngày 31/5/2023, kiểm tra tại Nhà máy C2 (địa chỉ: *Tiểu khu D, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La*); ngày 01/6/2023, kiểm tra tại Đội M3 (địa chỉ: *Tiểu khu A, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La*); ngày 02/6/2023, kiểm tra Nhà máy T25 (địa chỉ: *Bản S, xã S, huyện P, tỉnh Sơn La*); trưa ngày 02/6/2023, đến thị trấn B, ăn cơm và nghỉ tại Khách sạn Đ3 (địa chỉ: *Tiểu khu A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La*), dự kiến chiều cùng ngày kiểm tra tại Công ty cổ phần Đ4 (địa chỉ: *Tiểu khu C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La*). Tuy nhiên, do Công ty cổ phần Đ4 không có người đại diện theo pháp luật làm việc nên hoãn kiểm tra. G gặp Lê Thị T11 - Chủ Khách sạn Đ, đề nghị xuất hóa đơn thuê phòng nghỉ 2.400.000 đồng, chi phí xuất hóa đơn là 360.000 đồng, T11 đồng ý nhưng do kế toán đi vắng nên sẽ liên hệ sau. G thanh toán cho T11 600.000 đồng tiền nghỉ trưa, tiền ăn 1.100.000 đồng, tiền nước, cà phê 400.000 đồng, tiền hóa đơn 360.000 đồng, tổng cộng 2.460.000 đồng. Ngày 08/6/2023, Lê Thị T11 xuất Hóa đơn bán hàng số 123 (đơn vị bán hàng Công ty cổ phần Đ2), tổng giá trị 2.400.000 đồng, nội dung hóa đơn thể hiện thuê 04 phòng nghỉ x 01 tối x 545.454 đồng = 2.181.816 đồng + 218.184 đồng thuế GTGT = 2.400.000 đồng. G tổng hợp hóa đơn và giấy đi đường, chuyển Phòng K thẩm định, trình Giám đốc Sở duyệt thanh toán cho G (vì G đã ứng tiền trả trước). Ngày 13/9/2023, Sở L thanh toán số tiền 2.400.000 đồng cho G. G bù vào các khoản đã ứng ra trước đó và bị âm từ tiền cá nhân 60.000 đồng. Hành vi này của Bùi Nam G đã gây thiệt hại ngân sách nhà nước 2.181.816 đồng, gồm: 141.816 đồng chênh lệch tiền mua hóa đơn với giá trị thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước và số tiền G đã ứng ra thanh toán không đúng quy định.

VI. Hồ sơ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp năm 2023 (Bùi Nam G thực hiện) gây thiệt hại ngân sách nhà nước 12.703.698 đồng

Căn cứ Quyết định số 169/QĐ-ATLĐ ngày 29/5/2023 của Cục A5 về việc phê duyệt kế hoạch và dự toán kinh phí chi phí quản lý bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp năm 2022 tỉnh Sơn La; Quyết định số 272/QĐ-ATLĐ ngày 21/11/2023 của Cục A5; Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 169/QĐ-ATLĐ ngày 29/5/2023 của Cục A5 phê duyệt kế hoạch và dự toán kinh phí chi phí quản lý bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp năm 2022 của tỉnh Sơn La; ngày 12/4/2023, Sở L ban hành Công văn số 518/SL-L về tổ chức triển khai thực hiện Tháng hành động an toàn, vệ sinh lao động năm 2023 gửi U huyện, thành phố, trong đó có nội dung đề nghị phối hợp, chỉ đạo Phòng L tuyên truyền đến các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức đơn vị sử dụng lao động thực hiện “Rà soát, xây dựng Kế hoạch tổ chức huấn luyện đầy đủ các kiến thức kỹ năng làm việc an toàn cho các nhóm đối tượng cần phải huấn luyện, người lao động theo quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn,

huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường”.

Ngày 12/7/2023, Công ty cổ phần Đ2 có Công văn số 235/CV-CTMT về đăng ký tổ chức thực hiện công tác huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động gửi Sở L. G được Phạm Hồng H7 (*Phó Trưởng phòng phụ trách phòng L1*) phân công tham mưu thực hiện.

Do việc tổ chức tập huấn, huy động công nhân viên của một đơn vị khác sẽ gặp khó khăn nên G báo cáo đề xuất Nguyễn Tuấn A3, Phạm Hồng H7 (*tại phòng làm việc của G, không có ai chứng kiến*) lồng ghép nội dung tập huấn của Sở L, nội dung tổ chức huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động cho các đối tượng năm 2023 của Công ty cổ phần Đ2 (*để hợp thức hóa hồ sơ hoạt động, có thanh, quyết toán theo quy định nhưng không tổ chức trên thực tế*), Tuấn A3 và H7 đồng ý. Tuấn A3 chỉ đạo G phối hợp với Phòng K tìm phương án hỗ trợ Công ty cổ phần Đ2. Do đó, G gặp và hỏi Vũ Tuyết L5, Kế toán Phòng K. L5 trả lời nếu tổ chức tập huấn thì được hỗ trợ tiền thuê hội trường, tiền nước uống, maket còn nếu tổ chức huấn luyện thì được hỗ trợ tiền cho các học viên. Sau đó, Phạm Hồng H7 chỉ đạo G liên hệ với Mai Hải S2 - Nhân viên phòng TC Công ty cổ phần Đ2, thống nhất nội dung, thời gian tổ chức và giới thiệu đơn vị giảng bài (*Công ty D4*). G trao đổi với S2 về địa điểm tổ chức, đề xuất thuê Khách sạn H15, Công ty cổ phần Đ2 chỉ cần lo chi phí đối với giảng viên và hỗ trợ người đến tham gia, chi phí còn lại do Sở L hỗ trợ, S2 đồng ý. G xây dựng Kế hoạch, giấy mời (*do Nguyễn Mạnh D2 - Phó Giám đốc Sở ký*) gửi Công ty cổ phần Đ2, trong đó, nội dung thể hiện thời gian 07h30' ngày 27, 28/7/2023, địa điểm tại Khách sạn H15, địa chỉ: Số C, đường C, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La. Trên thực tế, G không gửi giấy mời trên đến Công ty cổ phần Đ2 mà chỉ lưu trên hồ sơ quyết toán để hoàn thiện thủ tục thanh toán. Đối với danh sách tham gia tập huấn, G lập trên cơ sở danh sách của Công ty cổ phần Đ2 cung cấp, để tên đơn vị chủ trì là Sở L. Sau buổi huấn luyện, G liên hệ với Đỗ Thị H8, Giám đốc Khách sạn H15 xuất Hóa đơn bán hàng số 1738 đề ngày 02/10/2023 (*đơn vị bán hàng Công ty cổ phần Đ5 Sơn La*), gồm các mục chi: Tiền thuê hội trường, maket, nước lọc, cà phê, bánh ngọt tổng giá trị 13.720.000 đồng.

Việc lập hồ sơ thanh, quyết toán tập huấn về an toàn lao động, vệ sinh lao động cho các đối tượng năm 2023 nhưng không tổ chức tập huấn trên thực tế của G gây thất thoát ngân sách nhà nước 12.703.698 đồng (*do được loại trừ 1.016.302 đồng tiền thuế*).

Như vậy, trong quá trình tham mưu, thực hiện 03 chương trình trên, Bùi Nam G đã gây thiệt hại ngân sách nhà nước tổng số tiền 77.000.383 đồng, trong đó: Chương trình an toàn vệ sinh lao động năm 2022 gây thiệt hại 53.186.869 đồng; Chương trình an toàn vệ sinh lao động năm 2023 gây thiệt hại 11.109.816 đồng; Hồ sơ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp năm 2023 gây thiệt hại 12.703.698 đồng.

*** Việc sử dụng tiền dôi dư sau khi thanh toán của Bùi Nam G:** Sau khi thực hiện Chương trình an toàn, vệ sinh lao động năm 2022, G quản lý tổng cộng 34.745.000 đồng tiền dôi dư. G đã báo cáo Nguyễn Thị H6, được H6 chỉ

đạo chuyển 20.000.000 đồng tiền mặt cho chị Trần Thị Vân A4 - Thủ quỹ của Sở L; chuyển vào tài khoản ngân hàng của H6 10.000.000 đồng, còn lại 4.745.000 đồng cộng với 2.975.000 đồng do cơ sở in quảng cáo Mạnh H11 hỗ trợ giảm chi phí, tổng cộng 7.720.000 đồng, G đưa cho Lê Thị Phương T15 - Chuyên viên phòng L1 Sở L quản lý nhưng lời khai của T15 không thừa nhận việc được nhận tiền từ G.

VII. Kết luận giám định

Ngày 18/7/2024, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Sơn La có Quyết định trưng cầu giám định số 123/QĐ-ANĐT yêu cầu giám định xác định giá trị thiệt hại cho ngân sách nhà nước đối với 06 hồ sơ quyết toán do Phan Thị Thu H2, Lê Thị Hương T4, Bùi Nam G thực hiện. Ngày 12/9/2024, Giám định viên tư pháp thuộc Sở Tài chính tỉnh Sơn La kết luận: *“...thiệt hại cho ngân sách nhà nước đối với 06 (sáu) hồ sơ quyết toán do hành vi lợi dụng chức vụ quyền hạn của Phan Thị Thu H2, Lê Thị Hương T4, Bùi Nam G theo yêu cầu giám định tại Mục III Quyết định trưng cầu giám định số 123/QĐ-ANĐT ngày 18/7/2024 của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Sơn La, số tiền: 158.566.480 đồng”*.

VIII. Tổng số tiền phải chịu trách nhiệm hình sự của từng bị cáo và kết quả thu hồi tài sản bị thiệt hại

Bị cáo Trần Xuân H phải chịu trách nhiệm hình sự do chỉ đạo bị cáo Phan Thị Thu H2 thực hiện các khoản chi không đúng thực tế; nâng khống giá trị hàng hóa, dịch vụ; mua hóa đơn giá trị gia tăng của một số công ty, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Sơn La để hoàn thiện chứng từ, hồ sơ thanh, quyết toán 03 chương trình: Chương trình phòng chống xâm hại trẻ em năm 2023 gây thiệt hại 60.094.316 đồng; Chương trình phòng ngừa giảm thiểu lao động trẻ em năm 2023 gây thiệt hại 3.547.025 đồng; chỉ đạo Lê Thị Hương T4 thực hiện các khoản chi không đúng thực tế; nâng khống giá trị hàng hóa, dịch vụ; mua hóa đơn giá trị gia tăng của một số công ty, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Sơn La để hoàn thiện chứng từ, hồ sơ thanh, quyết toán Chương trình trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2023 gây thiệt hại 17.924.756 đồng. Tổng số tiền thiệt hại cho ngân sách nhà nước bị cáo Trần Xuân H phải chịu trách nhiệm hình sự là 81.566.097 đồng.

Đối với bị cáo Phan Thị Thu H2 là người đã thực hiện các khoản chi không đúng thực tế; nâng khống giá trị hàng hóa, dịch vụ; mua hóa đơn giá trị gia tăng của một số công ty, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Sơn La để hoàn thiện chứng từ, hồ sơ thanh, quyết toán 02 chương trình theo chỉ đạo của Trần Xuân H, gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước, trong đó: Chương trình phòng chống xâm hại trẻ em năm 2023 gây thiệt hại 60.094.316 đồng; Chương trình phòng ngừa giảm thiểu lao động trẻ em năm 2023 gây thiệt hại 3.547.025 đồng. Tổng số tiền thiệt hại cho ngân sách nhà nước bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự là 63.641.341 đồng.

Đối với bị cáo Lê Thị Hương T4 là người đã thực hiện các khoản chi không đúng thực tế; nâng khống giá trị hàng hóa, dịch vụ; mua hóa đơn giá trị

gia tăng của một số công ty, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Sơn La để hoàn thiện chứng từ, hồ sơ thanh, quyết toán theo chỉ đạo của Trần Xuân H, gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước, trong đó: Chương trình trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2023 gây thiệt hại 17.924.756 đồng; nội dung tập huấn xâm hại trẻ em tại huyện Y trong Chương trình phòng chống xâm hại trẻ em năm 2023, T4 đã giúp H2 liên hệ mua hóa đơn giá trị gia tăng, gây thiệt hại 2.288.400 đồng. Tổng số tiền thiệt hại cho ngân sách nhà nước bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự là 20.213.156 đồng.

Đối với bị cáo Bùi Nam G đã thực hiện các khoản chi không đúng thực tế; nâng khống giá trị hàng hóa, dịch vụ; mua hóa đơn giá trị gia tăng của một số công ty, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Sơn La để hoàn thiện chứng từ, hồ sơ thanh, quyết toán 03 chương trình: Chương trình an toàn vệ sinh lao động năm 2022 gây thiệt hại ngân sách nhà nước 53.186.869 đồng; Chương trình an toàn vệ sinh lao động năm 2023 gây thiệt hại 11.109.816 đồng; Hồ sơ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp năm 2023 gây thiệt hại 12.703.698 đồng. Tổng số tiền thiệt hại cho ngân sách nhà nước bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự là 77.000.383 đồng.

Quá trình điều tra, các bị cáo Phan Thị Thu H2, Lê Thị Hương T4, Bùi Nam G đã tự nguyện nộp toàn bộ số tiền gây thiệt hại vào tài khoản tạm giữ của Công an tỉnh S để khắc phục hậu quả, trong đó: Phan Thị Thu H2 nộp 63.641.341 đồng; Lê Thị Hương T4 nộp 17.924.756 đồng; Bùi Nam G nộp 77.000.383 đồng.

Do có hành vi nêu trên, tại bản Cáo trạng số 35/CT-VKS-P1 ngày 30/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố các bị cáo Trần Xuân H, Bùi Nam G về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ theo điểm b khoản 2 Điều 356 Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Phan Thị Thu H2, Lê Thị Hương T4 về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ theo khoản 1 Điều 356 Bộ luật Hình sự.

**** Tại phiên tòa sơ thẩm:***

Các bị cáo Trần Xuân H, Phan Thị Thu H2, Lê Thị Hương T4, Bùi Nam G thành khẩn khai báo về hành vi đã thực hiện như nội dung cáo trạng truy tố và không khai báo gì thêm.

**** Tranh luận tại phiên tòa:***

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La trình bày luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu; các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hành vi của các bị cáo vì vụ lợi tập thể, số tiền gây thiệt hại không lớn, được sử dụng vào công việc chung của đơn vị, không hưởng lợi cá nhân, đến nay hậu quả đã được khắc phục toàn bộ. Về chính sách hình sự, đề nghị xem xét áp dụng chính sách khoan hồng đặc biệt quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về nguyên tắc xử lý đối với tội phạm tham nhũng.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 356; các điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 54; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Xuân H từ 30 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 356; các điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Nam G từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định.

Áp dụng khoản 1 Điều 356; các điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 36: Xử phạt bị cáo Phan Thị Thu H2, Lê Thị Hương T4 từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ.

Không áp dụng phạt bổ sung phạt tiền đối với cả 04 bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 117, Điều 584, Điều 585, Điều 586 và 589 Bộ luật Dân sự: Ghi nhận các bị cáo đã tự nguyện nộp tiền khắc phục toàn bộ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra vào ngân sách nhà nước, trong đó: Phan Thị Thu H2 nộp 63.641.341 đồng; Lê Thị Hương T4 nộp 17.924.756 đồng; Bùi Nam G nộp 77.000.383 đồng.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo Trần Xuân H, Phan Thị Thu H2, Lê Thị Hương T4, Bùi Nam G nhất trí với luận tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng các bị cáo thật sự ăn năn, hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng

- Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về việc xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa

những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người làm chứng đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy những người tham gia tố tụng này đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có lời khai trong quá trình điều tra, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo

Quá trình thực hiện các chương trình của Sở L tỉnh Sơn La, Trần Xuân H vì mục đích vụ lợi đã chỉ đạo bị cáo Phan Thị Thu H2, Lê Thị Hương T4 làm trái công vụ, lập khống hồ sơ, thực hiện các khoản chi không đúng thực tế; nâng khống giá trị hàng hóa, dịch vụ; mua hóa đơn giá trị gia tăng để hợp thức hóa hồ sơ quyết toán. Đối với Bùi Nam G vì mục đích vụ lợi, để hoàn thành nhiệm vụ được giao đã làm trái công vụ, thực hiện các khoản chi không đúng thực tế; nâng khống giá trị hàng hóa, dịch vụ; mua hóa đơn giá trị gia tăng để hợp thức hóa hồ sơ quyết toán.

Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng lời khai nhận tội của các bị cáo Trần Xuân H, Phan Thị Thu H2, Lê Thị Hương T4 tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người làm chứng: Lò Mai L4, Ma Thu O, Đỗ Đăng Sơn N1 đều là cán bộ Phòng B về việc Trần Xuân H chỉ đạo chủ trương tiết kiệm các nguồn chi phí quyết toán được từ các hồ sơ thanh toán của Phan Thị Thu H2, Lê Thị Hương T4; phù hợp với chứng từ, hồ sơ quyết toán các 03 chương trình: Chương trình phòng chống xâm hại trẻ em năm 2023; Chương trình phòng ngừa giảm thiểu lao động trẻ em năm 2023; Chương trình trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2023 do Phan Thị Thu H2 và Lê Thị Hương T4 thực hiện.

Lời khai của Bùi Nam G tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với chứng từ, hồ sơ quyết toán các 03 chương trình: Chương trình an toàn vệ sinh lao động năm 2022; Chương trình an toàn vệ sinh lao động năm 2023; Bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp năm 2023.

Phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa như:

- Kết quả xác minh đối với một số công ty, hộ gia đình, cá nhân là những người cung ứng hàng hóa, dịch vụ, xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho các bị cáo Phan Thị Thu H2, Lê Thị Hương T4, Bùi Nam G để hoàn thiện hồ sơ quyết toán các chương trình về số lượng, giá trị hàng hóa, dịch vụ thực tế và giá trị hàng hóa, dịch vụ bị nâng khống; chi phí xuất hóa đơn thực tế với giá trị loại trừ thuế (*số tiền thuế đã nộp ngân sách nhà nước*).

- Kết luận giám định ngày 12/9/2024 của Giám định viên tư pháp thuộc Sở Tài chính tỉnh Sơn La kết luận: “...*thiệt hại cho ngân sách nhà nước đối với 06 (sáu) hồ sơ quyết toán do hành vi lợi dụng chức vụ quyền hạn của Phan Thị Thu H2, Lê Thị Hương T4, Bùi Nam G theo yêu cầu giám định tại Mục III Quyết định trưng cầu giám định số 123/QĐ-ANĐT ngày 18/7/2024 của Cơ quan An*

ninh điều tra - Công an tỉnh Sơn La, số tiền: 158.566.480 đồng”.

Với các căn cứ chứng minh trên có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Trần Xuân H, Phan Thị Thu H2, Lê Thị Hương T4, Bùi Nam G đã phạm vào tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ, tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 356 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La truy tố các bị cáo về tội danh, luận tội là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

Bị cáo Trần Xuân H phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hồ sơ quyết toán 03 chương trình: Chương trình phòng chống xâm hại trẻ em năm 2023 gây thiệt hại thiệt hại ngân sách nhà nước 60.094.316 đồng; Chương trình phòng ngừa giảm thiểu lao động trẻ em năm 2023 gây thiệt hại 3.547.025 đồng; Chương trình trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2023 gây thiệt hại 17.924.756 đồng, trong đó có 02 chương trình gây thiệt hại ngân sách nhà nước từ 10.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng; bị cáo Bùi Nam G phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hồ sơ quyết toán 03 chương trình: Chương trình an toàn vệ sinh lao động năm 2022 gây thiệt hại ngân sách nhà nước 53.186.869 đồng; Chương trình an toàn vệ sinh lao động năm 2023 gây thiệt hại 11.109.816 đồng; Bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp năm 2023 gây thiệt hại 12.703.698 đồng, đều có giá trị thiệt hại ngân sách nhà nước từ 10.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng; hành vi của các bị cáo Trần Xuân H, Bùi Nam G đã vi phạm tình tiết định khung hình phạt “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 356 Bộ luật Hình sự, có mức hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.

Bị cáo Phan Thị Thu H2 phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hồ sơ quyết toán 02 chương trình: Chương trình phòng chống xâm hại trẻ em năm 2023 gây thiệt hại ngân sách nhà nước 60.094.316 đồng; Chương trình phòng ngừa giảm thiểu lao động trẻ em năm 2023 gây thiệt hại 3.547.025 đồng, tổng số tiền gây thiệt hại là 63.641.341 đồng; bị cáo Lê Thị Hương T4 phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hồ sơ quyết toán Chương trình trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2023 gây thiệt hại ngân sách nhà nước 17.924.756 đồng; nội dung tập huấn xâm hại trẻ em tại huyện Y trong Chương trình phòng chống xâm hại trẻ em năm 2023 gây thiệt hại 2.288.400 đồng, tổng số tiền gây thiệt hại là 20.213.156 đồng; hành vi của các bị cáo Phan Thị Thu H2, Lê Thị Hương T4 đã vi phạm tình tiết định khung hình phạt gây thiệt hại về tài sản từ 10.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng, có mức hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

Các bị cáo đều là người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan nhà nước, được giao tham mưu tổ chức thực hiện, thanh toán và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước 06 chương trình phòng chống xâm hại trẻ em, Tháng hành động vệ sinh an toàn lao động năm 2022-2023 của Sở L tỉnh Sơn La. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, các bị cáo không chấp hành đúng quy định của pháp luật, lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao, cố ý thực hiện hành vi lập khống hồ sơ, chi không

đúng thực tế, nâng không giá trị hàng hóa, dịch vụ, hợp thức hóa chứng từ để quyết toán kinh phí các chương trình, gây thiệt hại ngân sách nhà nước. Hành vi của các bị cáo Trần Xuân H, Bùi Nam G thuộc trường hợp rất nghiêm trọng; hành vi của các bị cáo Phan Thị Thu H2, Lê Thị Hương T4 thuộc trường hợp nghiêm trọng; nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm các quy định của pháp luật, làm giảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý, sử dụng ngân sách. Do đó cần có mức hình phạt phạt tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra, để đảm bảo giáo dục chung, phòng ngừa riêng.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong giai đoạn điều tra, các bị cáo Phan Thị Thu H2, Lê Thị Hương T4, Bùi Nam G tích cực với cơ quan chức năng trong việc cung cấp, xác nhận, giải trình các thông tin, tài liệu liên quan đến các hồ sơ, chứng từ thanh toán các chương trình; các bị cáo Phan Thị Thu H2, Lê Thị Hương T4 khai ra hành vi của bị cáo Trần Xuân H; giúp các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đẩy nhanh tiến độ giải quyết vụ án; các bị cáo đã tự nguyện khắc phục toàn bộ hậu quả của vụ án nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm t, b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Phan Thị Thu H2, Lê Thị Hương T4, Bùi Nam G, Trần Xuân H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Trần Xuân H quá trình công tác được tặng 05 Bằng khen; có bố đẻ là ông Trần Văn Đ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba; mẹ đẻ Trần Thị T17 là người có công với cách mạng. Bị cáo Bùi Nam G quá trình công tác được tặng 02 Bằng khen; có mẹ đẻ Trương Thị T1 được tặng thưởng Huân chương lao động hạng Ba, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; bố chồng Phạm Như H12 được tặng 02 Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S. Bị cáo Phan Thị Thu H2 quá trình công tác được tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở năm 2013 và được tặng nhiều Giấy khen; có ông nội chồng Lê G1, ông ngoại Trần Văn K được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất; bà ngoại chồng Đặng Thị M được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba; ông ngoại chồng là ông Bùi Văn C1 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất và Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng Ba. Bị cáo Lê Thị Hương T4 được tặng thưởng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở năm 2011 và nhiều Giấy khen; có bố đẻ ông Lê Văn T5 được tặng thưởng Huân chương lao động hạng Ba. Do đó, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án và mức hình phạt áp dụng

Đối với bị cáo Trần Xuân H với vai trò đã chỉ đạo cán bộ trong phòng là Phan Thị Thu H2, Lê Thị Hương T4 thực hiện việc lập khống hồ sơ, chi không

đúng thực tế, nâng không giá trị hàng hóa, dịch vụ để hợp thức hóa hồ sơ quyết toán nên giữ vai trò chính. Đối với Phan Thị Thu H2 và Lê Thị Hương T4 là đồng phạm thực hành theo chỉ đạo của Trần Xuân H, cần áp dụng Điều 58 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Đối với bị cáo Bùi Nam G phải chịu trách nhiệm độc lập đối với thiệt hại do hành vi của bị cáo gây ra.

Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi của các bị cáo đã gây thiệt hại ngân sách nhà nước nhưng số tiền thiệt hại không lớn, đều được sử dụng vào công việc chung của đơn vị, không được hưởng lợi cá nhân. Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 (*bị cáo H 02 tình tiết; các bị cáo G, H2, T4 04 tình tiết*), khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo nhận thức được hành vi sai phạm, thực sự ăn năn hối cải và hậu quả đã được khắc phục toàn bộ; các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo nên mở lượng khoan hồng, áp dụng chính sách khoan hồng đặc biệt quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo. Đối với bị cáo Trần Xuân H giữ vai trò chính trong việc thực hiện 03 chương trình; bị cáo Bùi Nam G chịu trách nhiệm độc lập đối với 03 chương trình gây thiệt hại ngân sách nhà nước, vận dụng Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo mức hình phạt tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng cho bị cáo được hưởng án treo cũng bảo đảm biện pháp cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và răn đe, phòng ngừa chung. Đối với các bị cáo Phan Thị Thu H2, Lê Thị Hương T4 phạm tội với vai trò đồng phạm; quá trình điều tra tích cực hợp tác với cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, góp phần đẩy nhanh tiến độ giải quyết vụ án; chủ động khắc phục toàn bộ hậu quả do mình gây ra, vận dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ, thể hiện tính nhân văn của pháp luật trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng trong giai đoạn hiện nay. Do các bị cáo đều nuôi 02 con chưa thành niên nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung

Ngoài hình phạt chính, các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 4 Điều 356 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo Trần Xuân H đã nghỉ chế độ hưu nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Đối với các bị cáo Phan Thị Thu H2, Lê Thị Hương T4, Bùi Nam G đều nuôi 02 con chưa thành niên nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, tạo điều kiện cho các bị cáo có cơ hội tiếp tục lao động, sản xuất, chăm lo cho gia đình.

[7] Về trách nhiệm dân sự

Hành vi của các bị cáo gây thiệt hại ngân sách nhà nước tổng số tiền 158.566.480 đồng. Quá trình điều tra xác định, số tiền thiệt hại cho ngân sách nhà nước các bị cáo không được hưởng lợi cá nhân mà sử dụng để chi cho một số công việc phục vụ việc tổ chức các chương trình và một số công việc chung của cơ quan,

đơn vị (các mục chi này không đúng quy định của nhà nước); thanh toán tiền chênh lệch chi phí mua hóa đơn giá trị gia tăng. Quá trình điều tra, các bị cáo Phan Thị Thu H2, Lê Thị Hương T4, Bùi Nam G đã tự nguyện nộp toàn bộ số tiền gây thiệt hại vào tài khoản tạm giữ của Công an tỉnh Sơn La để bồi thường, khắc phục hậu quả, trong đó: Phan Thị Thu H2 nộp 63.641.341 đồng; Lê Thị Hương T4 nộp 17.924.756 đồng; Bùi Nam G nộp 77.000.383 đồng. Tại phiên tòa, các bị cáo Phan Thị Thu H2, Lê Thị Hương T4, Bùi Nam G có ý kiến đề nghị tự nguyện sử dụng toàn bộ số tiền này nộp ngân sách nhà nước, khắc phục hậu quả do hành vi của mình gây ra và không có yêu cầu đề nghị gì thêm. Xét đề nghị của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, đảm bảo các điều kiện quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự nên cần ghi nhận.

[8] Về các đối tượng có liên quan

- Đối với lãnh đạo Sở, lãnh đạo các Phòng và các cá nhân công tác tại Sở L tỉnh Sơn La tại thời điểm xảy ra vụ việc:

+ Đối với ông Nguyễn Tuấn A3 - Giám đốc Sở L: Kết quả điều tra xác định ông Nguyễn Tuấn A3 đã chỉ đạo các phòng chuyên môn phải tiết kiệm chi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; về kinh phí thực hiện các chương trình, các hội nghị phải thực hiện đúng quy định. Việc mua sắm tài sản, ký hợp đồng sử dụng dịch vụ khi thực hiện các chương trình do các phòng chuyên môn thực hiện, các hồ sơ quyết toán đã được kiểm soát chi đúng thủ tục thì ông Nguyễn Tuấn A3 mới ký duyệt chi. Ngoài lời khai của bị cáo Trần Xuân H về việc ông Nguyễn Tuấn A3 chỉ đạo chủ trương nâng khống hóa đơn để có tiền dôi dư thì không còn nguồn tài liệu, chứng cứ nào khác. Cơ quan điều tra xác định hành vi của ông Nguyễn Tuấn A3 chưa đến mức phải xem xét xử lý hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

+ Đối với ông Nguyễn Mạnh D2 - Phó Giám đốc Sở L, phụ trách Phòng L1: Đã vi phạm quy trình công tác nghỉ đi chữa bệnh nhưng không ủy quyền, vẫn ký 10 biên bản kiểm tra với vai trò Trưởng đoàn; thiếu trách nhiệm khi ký hồ sơ do Bùi Nam G trình thanh toán các khoản chi công tác phí gây thiệt hại ngân sách nhà nước 11.040.000 đồng. Kết quả điều tra xác định Nguyễn Mạnh D2 không được chỉ đạo thực hiện việc thanh quyết toán kinh phí tháng an toàn vệ sinh lao động, không được hưởng lợi, ký các tài liệu do tin tưởng cán bộ cấp dưới đã kiểm tra kỹ lưỡng. Cơ quan điều tra xác định hành vi của ông Nguyễn Mạnh D2 chưa đến mức phải xem xét xử lý hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

+ Bà Nguyễn Thị H6 - Trưởng phòng L1: Ngoài lời khai của Bùi Nam G thì không có tài liệu, chứng cứ khác chứng minh việc H6 đã chỉ đạo G mua hóa đơn, lập khống hồ sơ gây thiệt hại ngân sách nhà nước. Cơ quan điều tra xác định hành vi của bà Nguyễn Thị H6 chưa đến mức phải xem xét xử lý hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

+ Ông Phạm Hồng H7 - Phó Trưởng phòng L1: Ngoài lời khai của Bùi Nam G thì không có tài liệu, chứng cứ khác chứng minh việc H7 đã chỉ đạo G mua 01 hóa đơn thực hiện chương trình an toàn vệ sinh lao động năm 2023 và lập khống hồ sơ tập huấn thực hiện Luật An toàn vệ sinh lao động về bảo hiểm

tai nạn lao động, tai nạn nghề nghiệp năm 2023 gây thiệt hại ngân sách nhà nước. Cơ quan điều tra xác định hành vi của ông Phạm Hồng H7 chưa đến mức phải xem xét xử lý hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

+ Đối với bà Nguyễn Thị Thương T14 - Chuyên viên Phòng L6; bà Hà Thị Khánh H5 (*sinh năm 1989; nơi cư trú: Tổ B Q, phường T, tỉnh Sơn La*): Bà Nguyễn Thị Thương T14 đã liên hệ lấy 02 hóa đơn; bà Hà Thị Khánh H5 liên hệ lấy 01 hóa đơn cho Bùi Nam G, nhưng T14, H5 không biết động cơ, mục đích G sử dụng hóa đơn để làm gì; không được hưởng lợi từ việc lấy hộ hóa đơn cho G. Cơ quan điều tra xác định hành vi của bà Nguyễn Thị Thương T14 và bà Hà Thị Khánh H5 chưa đến mức phải xem xét xử lý hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

+ Bà Lê Thị Phương T15 - Chuyên viên Phòng L1: Quá trình điều tra, T15 không thừa nhận việc nhận tiền từ Bùi Nam G liên quan đến số tiền thiệt hại ngân sách nhà nước. Ngoài lời khai của G thì không còn nguồn tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh T15 liên quan đến hành vi phạm tội. Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý đối với Lê Thị Phương T15 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

+ Bà Lò Mai L4 - Phó trưởng Phòng B: Khi Phan Thị Thu H2 trình L4 ký biên bản, hồ sơ thanh toán các chương trình không báo cáo với L4 về việc nâng không giá trị hàng hóa, L4 kiểm tra thấy đúng với dự toán thì ký duyệt theo ủy quyền của Trần Xuân H và chuyển Phòng K thẩm định, trình Giám đốc Sở L duyệt thanh toán. Cơ quan điều tra xác định hành vi của bà Lò Mai L4 chưa đến mức phải xem xét xử lý hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

+ Bà Trần Thị Vân A4 - Thủ quỹ Văn phòng Sở: Kết quả điều tra xác định bà Trần Thị Vân A4 có nhận tiền từ Phan Thị Thu H2 và Bùi Nam G, nhưng Vân A4 chỉ làm theo chỉ đạo về việc nhận, giữ và chi tiền. Khi nhận tiền, Vân A4 không biết số tiền mà H2 và G đưa cho là tiền gì, do đâu mà có. Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý đối với bà Trần Thị Vân A4 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

+ Bà Đặng Thị H13 - Trưởng Phòng K và bà Cẩm Thị D3 - Kế toán: Đã thực hiện đúng chuyên môn thẩm định hồ sơ quyết toán. Sau khi xác định các danh mục chi, định mức chi đúng theo dự toán được duyệt mới đề xuất lãnh đạo Sở L duyệt. H13 và D3 không biết việc các bị cáo nâng không giá trị hàng hóa, dịch vụ, hoàn thiện hồ sơ quyết toán, mua hóa đơn giá trị gia tăng thanh toán gây thiệt hại ngân sách nhà nước. Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý đối với bà Đặng Thị H13 và bà Cẩm Thị D3 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

- Đối với các hộ kinh doanh (*Hồ Thị Kim P - Trung tâm Q1; Lê Thị T6 hóa đơn số 344, 554; Trần Thị H3 hóa đơn 301, 355, 308; Hoàng Thị L2 558, 609; Nguyễn Quang C hóa đơn số 5; Đào Thị V hóa đơn số 101; Hoàng Thị L2 hóa đơn số 795; Nguyễn Thị T7 hóa đơn số 605; Trương Thị T9 hóa đơn số 170; Trần Tuấn A hóa đơn số 02; Trần Thùy D1 hóa đơn số 13; Cẩm Duy V1 hóa đơn số A (Hoàng Thị H4 bán); Phan Thị T18 hóa đơn số 18*) và các công ty (*Công ty TNHH H14 (Hoa Ngọc L3 bán); Công ty TNHH M1 (Đào Thị T8 bán); Công ty cổ phần T19; Công ty cổ phần Đ2 (Lê Thị T11 bán); Công ty cổ phần Đ5 Sơn La hóa đơn số 1738 (Đỗ Thị H8 bán)*) đã có hành vi mua bán hóa đơn

với các bị cáo: Cơ quan điều tra xác định hành vi mua bán hóa đơn của các công ty và hộ kinh doanh trên chưa đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*” quy định tại Điều 203 Bộ luật Hình sự. Ngày 05/6/2024, Cơ quan điều tra đã có Công văn số 259/ANĐT đề nghị Cục T23 tỉnh S xử lý vi phạm hành chính về hành vi mua bán trái phép hóa đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[9] Về án phí

Các bị cáo Trần Xuân H, Phan Thị Thu H2, Lê Thị Hương T4, Bùi Nam G phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 356 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố các bị cáo Trần Xuân H, Bùi Nam G, Phan Thị Thu H2, Lê Thị Hương T4 phạm tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ.

1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 356; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 54; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Xuân H 30 (*ba mươi*) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (*sáu mươi*) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (*ngày 11/02/2026*).

2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 356; điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Bùi Nam G 24 (*hai mươi tư*) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (*bốn mươi tám*) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (*ngày 11/02/2026*).

3. Giao bị cáo Trần Xuân H cho Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Sơn La; giao bị cáo Bùi Nam G cho Ủy ban nhân dân phường C, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 356; điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Phan Thị Thu H2 18 (*mười tám*) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự

Công an tỉnh Sơn La nhận được quyết định thi hành án.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Hương T4 18 (*mười tám*) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Sơn La nhận được quyết định thi hành án.

5. Giao các bị cáo Phan Thị Thu H2, Lê Thị Hương T4 cho Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Sơn La trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án, các bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo quy định về cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Phan Thị Thu H2, Lê Thị Hương T4.

6. Không áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 4 Điều 356 đối với các bị cáo Trần Xuân H, Bùi Nam G, Phan Thị Thu H2, Lê Thị Hương T4.

7. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 117, Điều 584, Điều 585, Điều 586 và 589 Bộ luật Dân sự:

Ghi nhận việc các bị cáo Phan Thị Thu H2, Lê Thị Hương T4, Bùi Nam G đã tự nguyện bồi thường, khắc phục thiệt hại về tài sản như sau:

- Bị cáo Phan Thị Thu H2 63.641.341 đồng (*sáu mươi ba triệu, sáu trăm bốn mươi một nghìn, ba trăm bốn mươi một đồng*);

- Bị cáo Lê Thị Hương T4 17.924.756 đồng (*mười bảy triệu, chín trăm hai mươi bốn nghìn, bảy trăm năm mươi sáu đồng*);

- Bị cáo Bùi Nam G 77.000.383 đồng (*bảy mươi bảy triệu, ba trăm tám mươi ba đồng*).

Tổng cộng 158.566.480 đồng (*một trăm năm mươi tám triệu, năm trăm sáu mươi sáu nghìn, bốn trăm tám mươi đồng*), số tiền này đã nộp vào tài khoản của Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La tại Kho bạc nhà nước khu vực X theo Ủy nhiệm chi số 914 ngày 30/12/2025 của Công an tỉnh S.

8. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Trần Xuân H, Phan Thị Thu H2, Lê Thị Hương T4, Bùi Nam G mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

9. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (*ngày 11/02/2026*).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc

bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa Phúc thẩm TAND tối cao tại Hà Nội;
- Viện Công tố và KSXX phúc thẩm tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Cơ quan ANĐT (PA09) Công an tỉnh Sơn La;
- Những người tham gia tố tụng;
- ...
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cầm Xuân Thủy